DỰ ÁN LỒNG GHÉP CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỂ PHÁT TRIỂN CÁC ĐÔ THỊ XANH LOẠI II_TA9417-VIE

SẢN PHẨM 2.1

KẾ HOẠCH / CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LIÊN QUAN ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG BỀN VỮNG

TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ VÀ CHIA SẺ KINH NGHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG,
SỬ DỤNG ĐẤT, THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU
CHO CÁN BỘ BỘ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG
(TA9417-VEA QCBS-05)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
LIÊN DANH GIỮA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN EPRO
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG BA ĐÌNH

DỰ ÁN LỒNG GHÉP CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỂ PHÁT TRIỂN CÁC ĐÔ THỊ XANH LOẠI II (TA9417-VIE)

Sản phẩm 2.1

KẾ HOẠCH / CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LIÊN QUAN ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG BỀN VỮNG

GÓI THẦU
TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ VÀ CHIA SẺ KINH NGHIỆM
VỀ MÔI TRƯỜNG, SỬ DỤNG ĐẤT, THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU
CHO CÁN BỘ BỘ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG
(TA9417-VEA QCBS-05)

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
LIÊN DANH GIỮA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN EPRO
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG BA ĐÌNH

DUYỆT BỞI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN LỒNG GHÉP CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỂ PHÁT TRIỂN CÁC ĐÔ THỊ XANH LOẠI II

Hà Nội, tháng 9 năm 2025

Lịch sử tài liệu:

Bản số	**Ngày**	**Rà soát/ góp ý bởi**	**Ngày**
Ver.# 1	19/08/2025	Ban Quản lý Dự án	06/09/2025
Ver.# 2	15/09/2025	Ban Quản lý Dự án	18/09/2025
Ver.#3	29/09/2025		

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 5
1 GIỚI THIỆU 7
1.1 Dự án "Lồng ghép chống chịu biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường để phát triển các đô thị xanh loại II'' 7
1.2 Gói thầu hỗ trợ kỹ thuật 7
1.2.1 Mục tiêu 8
1.2.2 Phạm vi thực hiện 8
1.2.3 Đối tượng mục tiêu 8
1.2.4 Các nhiệm vụ 9
1.2.5 Đầu ra 9
1.3 Sản phẩm 2.1 11
2 CHỦ ĐỀ ĐÀO TẠO, NÂNG CAO NĂNG LỰC 12
2.1 Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực 12
2.2 Cập nhập, điều chỉnh từ Dự án 12
3 KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 12 LỚP ĐÀO TẠO 15
3.1 Tổ chức đào tạo 15
3.1.1 Chủ đề 15
3.1.2 Địa điểm tổ chức 15
3.1.3 Thời lượng và thời gian tổ chức 16
3.1.4 Đối tượng 17
3.1.5 Phương pháp thực hiện 17
3.1.6 Tài liệu và công cụ hỗ trợ 17
3.1.7 Giảng viên và trợ giảng 18
3.1.8 Đánh giá kết quả đào tạo 18
3.1.9 Báo cáo kết quả đào tạo 19
3.2 Khung nội dung đào tạo 19
3.2.1 Chủ đề 1. Bảo vệ môi trường nước 19
3.2.2 Chủ đề 2: Bảo vệ môi trường không khí 21
3.2.3 Chủ đề 3: Bảo vệ môi trường đất 22
3.2.4 Chủ đề 4: Sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm xanh 24
3.2.5 Chủ đề 5: BVMT, thích ứng với BĐKH, phát triển khu dân cư tập trung xanh 25
4 KẾ HOACH THỰC HIỆN TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT 28
4.1 Phạm vi tài liệu hướng dẫn kỹ thuật 28
4.1.1 Mục tiêu HDKT 28
4.1.2 Phạm vi HDKT 28
4.1.3 Đối tượng HDKT 29
4.1.4 Tiêu đề tài liệu HDKT 29
4.1.5 Tổ chức thực hiện 30
4.2 Khung nội dung tài liệu HDKT 30
4.2.1 HDKT lựa chọn ứng dụng công nghệ phù hợp sản xuất sản phẩm nhựa xây dựng thân thiện hơn với môi trường 30
4.2.2 HDKT xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất tại làng nghề, cụm công nghiệp 31
5 KẾ HOẠCH HỌP VỚI CÁC ĐỊA PHƯƠNG CỦA DỰ ÁN 32
5.1 Tổ chức thực hiện 32

5.1.1 Mục tiêu cuộc họp 32
5.1.2 Tên gọi của cuộc họp 32
5.1.3 Đối tượng cuộc họp 32
5.1.4 Thời gian và địa điểm tổ chức 32
5.2 Khung nội dung cuộc họp 33
5.2.1 Cuộc họp 1: BVMT, thích ứng với BĐKH và phát triển du lịch xanh 33
5.2.2 Cuộc họp 2: Vai trò của khu vực công trong phát triển khu dân cư tập trung xanh và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường 34
6 KẾT LUẬN 36
7 Phụ lục 1
7.1 Phụ lục 1. Lựa chọn chủ đề và địa điểm tổ chức các lớp đào tạo 1
7.2 Phụ lục 2. Danh sách giảng viên 1
7.3 Phụ lục 3. Chương trình đào tạo đề xuất 2

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BQLDA	Ban Quản lý dự án
BVMT	Bảo vệ môi trường
CLKK	Chất lượng không khí
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
DDT	Dichlorodiphenyltrichloroethane
GCAP	Kế hoạch hành động thành phố xanh
HCB	Hexachlorobenzene
HDKT	Hướng dẫn kỹ thuật
NN&MT	Nông nghiệp và Môi trường
PCBs	Polychlorinated Biphenyls
POPs	Các chất ô nhiễm khó phân hủy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
SXTDBV	Sản xuất và tiêu dùng bền vững
TP.	Thành phố
UBND	Uỷ ban Nhân dân
VN_AQI	Chỉ số Chất lượng không khí của Việt Nam
VN_WQI	Chỉ số chất lượng nước của Việt Nam
WQI	Chỉ số chất lượng nước

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Danh mục sản phẩm 9
Bảng 2. Đề xuất chủ đề và hoạt động theo kết quả khảo sát 12
Bảng 3. Chủ đề xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực 13
Bảng 4. Đề xuất phân bổ 12 lớp theo chủ đề và địa điểm tổ chức 16
Bảng 5. Khung nội dung đào tạo về BVMT nước 19
Bảng 6. Khung nội dung đào tạo về BVMT không khí 21
Bảng 7. Khung nội dung đào tạo về BVMT đất 23
Bảng 8. Khung nội dung đào tạo về sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm xanh 24
Bảng 9. Khung nội dung đào tạo về BVMT, thích ứng với BĐKH, phát triển khu dân cư tập trung xanh 26
Bảng 10. Khung nội dung HDKT lựa chọn ứng dụng công nghệ phù hợp sản xuất sản phẩm nhựa xây dựng thân thiện hơn với môi trường 30
Bảng 11. Khung nội dung HDKT xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất tại làng nghề, cụm công nghiệp 31
Bảng 12. Khung nội dung đề xuất cho cuộc họp BVMT, thích ứng với BĐKH và phát triển du lịch xanh 33
Bảng 13. Khung nội dung đề xuất cho cuộc họp về vai trò của khu vực công trong phát triển khu dân cư tập trung xanh và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường 34
Bảng 14. Tổng hợp kế hoạch đào tạo và nâng cao năng lực 38
Bảng 15. Lựa chọn chủ đề và địa điểm đào tạo 1
Bảng 16. Danh sách giảng viên 1
Bảng 17. Khung chương trình đào tạo BVMT nước 2
Bảng 18. Khung chương trình đào tạo BVMT không khí 4
Bảng 19. Khung chương trình đào tạo BVMT đất 5
Bảng 20. Khung chương trình đào tạo sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm xanh 6
Bảng 21. Khung chương trình đào tạo bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH, phát triển khu dân cư tập trung xanh 7

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Tổng quan 12 lớp đào tạo 15
Hình 2. Tổng quan phạm vi tài liệu hướng dẫn kỹ thuật 28
Hình 3. Chủ đề và địa điểm tổ chức họp với các địa phương của dự án 32

1 GIỚI THIỆU

1.1 Dự án "Lồng ghép chống chịu biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường để phát triển các đô thị xanh loại II"

Dự án "**Lồng ghép chống chịu biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường để phát triển các đô thị xanh loại II**" (gọi tắt là Dự án) có mục tiêu tăng cường năng lực thể chế về bảo vệ môi trường (BVMT) và khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu (BĐKH) để phát triển xanh cho các đô thị loại II tại Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể của dự án:

- Cập nhật và chỉnh sửa Kế hoạch hành động thành phố xanh (GCAP) và cải thiện các quy hoạch đô thị tổng thể đối với Hà Giang, Huế và Vĩnh Yên; xây dựng cơ chế tài chính duy trì các giải pháp phát triển xanh và chống chịu với BĐKH tại các đô thị loại II;
- Nhân rộng cách tiếp cận và bài học kinh nghiệm về phát triển xanh đối với các đô thị loại II trên toàn quốc; thí điểm các mô hình sản xuất xanh và tiêu dùng bền vững, nhân rộng các kết quả tích cực đã đạt được tại Hà Giang, Huế, Vĩnh Yên ra các đô thị khác;
- Lồng ghép các quy định thúc đẩy sản xuất xanh và tiêu dùng bền vững (SXTDBV), xây dựng lối sống xanh, cải thiện hạ tầng về môi trường đô thị theo hướng thích ứng với BĐKH vào hệ thống chính sách pháp luật quốc gia.

Dự án tập trung vào 9 đô thị gồm 3 đô thị mục tiêu là TP. Huế, TP. Hà Giang và TP. Vĩnh Yên, và 6 đô thị mở rộng là TP. Yên Bái, TP. Hoa Lư, TP. Hà Tĩnh, TP. Kon Tum, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, và TP. Vĩnh Long (địa danh cũ).

Tại thời điểm hiện tại, có 8 đô thị tham gia dự án, không bao gồm TP. Yên Bái và TP. Trà Vinh sẽ thay thế TP. Vĩnh Long.

1.2 Gói thầu hỗ trợ kỹ thuật

Gói thầu hỗ trợ kỹ thuật TA9417-VIE QCBS-05 về Tăng cường năng lực quản lý và chia sẻ kinh nghiệm về môi trường, sử dụng đất, thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường - NN&MT) được giao cho Liên danh giữa Công ty Cổ phần Tư vấn EPRO và Công ty Cổ phần truyền thông Ba Đình thực hiện (gọi tắt là Gói thầu).

Gói thầu gồm 2 nhóm nhiệm vụ về đào tạo, nâng cao năng lực và truyền thông. Công ty Cổ phần Tư vấn EPRO phụ trách thiết kế, xây dựng, triển khai kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực và Công ty Cổ phần truyền thông Ba Đình phụ trách xây dựng, triển khai kế hoạch truyền thông.

1.2.1 Mục tiêu

Mục tiêu của gói thầu là tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về BVMT, sử dụng đất liên quan đến BVMT, thích ứng với BĐKH và chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về hoạt động dự án, về thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn cũng như sản xuất và tiêu dùng bền vững (SXTDBV). Cụ thể:

- Tăng cường năng lực quản lý và nhận thức của các cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường theo phân công nhiệm vụ của Bộ TN&MT, nay là Bộ NN&MT, và các bộ, ngành liên quan đến các sở, ngành cấp tỉnh (Sở NN&MT và các Sở, ngành liên quan), các nhà báo và các bên liên quan trong công tác bảo vệ môi trường (BVMT), sử dụng đất liên quan đến BVMT và khả năng chống chịu BĐKH;
- Xây dựng HDKTvề thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về BVMT, về SXTDBV;
- Nâng cao nhận thức cộng đồng về kiến thức và thông tin của dự án thông qua các hoạt động, các kênh và các nền tảng truyền thông

1.2.2 Phạm vi thực hiện

Đến thời điểm xây dựng kế hoạch, gói thầu sẽ được thực hiện cho các cán bộ quản lý ngành tài nguyên và môi trường và các bên liên quan từ 8 đô thị, bao gồm:

- 3 đô thị mục tiêu của dự án, bao gồm TP. Huế, TP. Vĩnh Yên (thuộc tỉnh Vĩnh Phúc cũ, nay là tỉnh Phú Thọ), TP. Hà Giang (thuộc tỉnh Hà Giang cũ, nay là tỉnh Tuyên Quang);
- 5 đô thị mở rộng của dự án gồm TP. Hoa Lư (thuộc tỉnh Ninh Bình), TP. Hà Tĩnh (thuộc tỉnh Hà Tĩnh); TP. Kon Tum (thuộc tỉnh Kon Tum cũ, nay là Quảng Ngãi), TP. Phan Rang Tháp Chàm (thuộc tỉnh Ninh Thuận cũ, nay là tỉnh Khánh Hoà), và TP. Trà Vinh (thuộc tỉnh Trà Vinh).

1.2.3 Đối tượng mục tiêu

Đối tượng thụ hưởng chính:

- Cán bộ thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, từ các đơn vị trực thuộc Bộ liên quan đến quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường, sản xuất và tiêu dùng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Cán bộ quản lý tại 3 địa phương mục tiêu và 5 địa phương mở rộng của dự án, từ các đơn vị:
  - Uỷ ban Nhân dân (UBND) cấp tỉnh/thành phố
  - Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh
  - Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Đối tượng thụ hưởng mở rộng:

- Cán bộ thuộc Bộ, ngành liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường, sản xuất và tiêu dùng bền vững, biến đổi khí

hậu, phát triển đô thị và hạ tầng, gồm Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các đơn vị trực thuộc các bộ;

- Cán bộ quản lý tại 8 địa phương mục tiêu và mở rộng của dự án từ các đơn vị:
  - Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Du lịch;
  - Các đơn vị trực thuộc khác có liên quan đến bảo vệ môi trường, sản xuất và tiêu dùng bền vững, biến đổi khí hậu, phát triển đô thị và hạ tầng theo uỷ quyền của UBND địa phương và theo quy định của pháp luật.
- Cán bộ quản lý ngành nông nghiệp và môi trường tại các địa phương lân cận 8 địa phương mục tiêu và mở rộng của dự án
- Các đơn vị sự nghiệp về truyền thông bảo vệ môi trường cấp Bộ như Báo Nông nghiệp và Môi trường, Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường; và các đơn vị truyền thông, báo chí cấp địa phương như các đài truyền hình tỉnh; các trường đại học có chuyên ngành đào tạo liên quan đóng trên địa bàn thành phố/tỉnh.
- Các doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường, sản xuất và tiêu dùng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu tại 3 đô thị mục tiêu và 5 đô thị mở rộng của dự án.

1.2.4 Các nhiệm vụ

Gói thầu gồm 5 nhiệm vụ chính sau:

- Nhiệm vụ 1 - Đánh giá nhu cầu đào tạo và nâng cao năng lực
- Nhiệm vụ 2 - Xây dựng kế hoạch đào tạo và nâng cao năng lực
- Nhiệm vụ 3 - Thực hiện kế hoạch đào tạo và nâng cao năng lực
- Nhiệm vụ 4 – Xây dựng kế hoạch truyền thông và chia sẻ kiến thức về các hoạt động và kết quả của dự án
- Nhiệm vụ 5 – Thực hiện kế hoạch truyền thông và chia sẻ kiến thức về các hoạt động và kết quả của dự án
- Nhiệm vụ 6 - Quản lý chung

1.2.5 Đầu ra

Gói thầu sẽ chuyển giao 14 sản phẩm dưới đây:

Bảng 1. Danh mục sản phẩm

TT	Mã sản phẩm	Sản phẩm
1	1.1	Báo cáo đánh giá nhu cầu đào tạo và nâng cao năng lực, nêu tổng quan về năng lực của nhóm đối tượng mục tiêu và các ưu tiên cho hoạt động đào tạo và nâng cao năng lực trong bối cảnh thực tế.
2	2.1	Kế hoạch/chương trình đào tạo, nâng cao năng lực dựa trên kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực về bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường liên quan đến sử dụng đất, ứng phó với biến đổi khí hậu và sản xuất và tiêu dùng bền vững, bao gồm kế hoạch chi tiết để thực hiện các hoạt động sau: – Các chương trình đào tạo về bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan

TT	Mã sản phẩm	Sản phẩm
		đến bảo vệ môi trường và chống chịu với biến đổi khí hậu tại các đô thị loại II, đặc biệt là 9 đô thị dự án. – Xây dựng 01 HDKTvề sản xuất và tiêu dùng bền vững và 01 HDKTvề thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về quản lý chất lượng môi trường – 02 cuộc họp với sự tham gia của 9 đô thị dự án.
3	3.1	Tài liệu đào tạo và nâng cao năng lực về bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường và chống chịu với biến đổi khí hậu, bao gồm (nhưng không giới hạn) chương trình, tài liệu thuyết trình Powerpoint, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo và các công cụ hỗ trợ có liên quan.
4	3.2	02 HDKTbao gồm: – 01 HDKTvề sản xuất và tiêu dùng bền vững – 01 HDKTvề thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về quản lý chất lượng môi trường
5	3.3a	Báo cáo về các hoạt động đào tạo và nâng cao năng lực. Cụ thể: – Báo cáo của 6 lớp đào tạo đầu tiên về nội dung bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường và chống chịu với biến đổi khí hậu cho các đô thị loại II, đặc biệt là 9 đô thị dự án, với ít nhất 60 người tham gia (33% là nữ).
6	3.3b	Báo cáo về các hoạt động đào tạo và nâng cao năng lực, bao gồm: – Báo cáo của 6 lớp đào tạo tiếp theo về nội dung bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường và chống chịu với biến đổi khí hậu cho các đô thị loại II, đặc biệt là 9 đô thị dự án, với ít nhất 60 người tham gia (33% là nữ). – Báo cáo về hoạt động xây dựng 01 HDKTvề sản xuất và tiêu dùng bền vững & 01 HDKTvề thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về quản lý chất lượng môi trường; – Báo cáo về hoạt động tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia của 9 đô thị dự án. – Báo cáo phân tích kết quả trên cơ sở so sánh với kế hoạch và kết quả đánh giá trước và sau đào tạo.
7	4.1	Kế hoạch truyền thông, chia sẻ kiến thức về quản lý và bảo vệ môi trường cũng như các hoạt động và kết quả của Dự án, bao gồm: – Một chiến lược thực tế dựa trên bằng chứng, được tổ chức rõ ràng, liên kết với các kênh truyền thông; – Kế hoạch truyền thông thực tế với danh sách tài liệu truyền thông và kênh truyền thông, đối tượng mục tiêu, khung thời gian cho việc xây dựng và thực hiện – Các thông điệp chính rõ ràng và – Các hình ảnh trực quan thiết yếu và hiệu quả, và phương pháp đánh giá khả thi;
8	5.1a	Tài liệu truyền thông chủ đề A*, bao gồm các sản phẩm tri thức và kết quả thử nghiệm trước, cụ thể: – Bài viết trên truyền hình, phát thanh: 01 phóng sự truyền hình, 01 phóng sự truyền thanh và 01 bản tin truyền thanh. Các bài viết này được phát trên 01 kênh truyền hình quốc gia, 03 kênh truyền hình địa phương, tương tự đối với các kênh phát thanh (mỗi kênh phát ít nhất 2 lần). – Bài báo/tạp chí điện tử: 06 bài đăng trên 03 báo/tạp chí điện tử toàn quốc và 03 báo điện tử/tạp chí địa phương; – Thông cáo báo chí: 03

TT	Mã sản phẩm	Sản phẩm
		– Tài liệu cho 01 sự kiện tọa đàm về chủ đề A, bao gồm nhưng không giới hạn ở chương trình, bài thuyết trình, kịch bản, v.v.
9	5.1b	Tài liệu truyền thông chủ đề B*, bao gồm các sản phẩm tri thức và kết quả thử nghiệm trước, cụ thể: – Bài viết trên truyền hình, phát thanh: 01 phóng sự truyền hình, 01 bản tin truyền hình và 01 bản tin truyền thanh. Các bài viết này được phát trên 01 kênh truyền hình quốc gia, 03 kênh truyền hình địa phương, tương tự đối với các kênh phát thanh (mỗi kênh phát ít nhất 2 lần). – Bài báo/tạp chí điện tử: 06 bài đăng trên 03 báo/tạp chí điện tử toàn quốc và 03 báo điện tử/tạp chí địa phương; – Thông cáo báo chí: 03 – Tài liệu cho 01 sự kiện tọa đàm về chủ đề B, bao gồm nhưng không giới hạn ở chương trình, bài thuyết trình, kịch bản...
10	5.2	Trang web và cơ sở dữ liệu phổ biến các hoạt động của dự án với tên miền được BQLDA đồng ý, duy trì trong 05 năm kể từ ngày trang web được kích hoạt.
11	5.3a	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch truyền thông, chia sẻ kiến thức theo chủ đề A* dựa trên kế hoạch truyền thông được phê duyệt. Báo cáo bao gồm việc đánh giá hiệu quả truyền thông theo các số liệu cụ thể như khả năng tiếp cận, khán giả, sự tương tác, số người tham gia của 01 sự kiện toạ đàm, 01 phóng sự truyền hình, 01 phóng sự truyền thanh và 01 bản tin truyền thanh, 6 bài viết đăng trên 03 báo/tạp chí điện tử toàn quốc và 03 báo điện tử/tạp chí địa phương, thực hiện tại mục 5.1a
12	5.3b	Báo cáo kết quả quá trình thực hiện kế hoạch truyền thông, chia sẻ kiến thức theo chủ đề B* dựa trên kế hoạch truyền thông được phê duyệt. Báo cáo bao gồm việc đánh giá hiệu quả truyền thông theo các số liệu cụ thể như khả năng tiếp cận, khán giả, sự tương tác, số lượng bài báo/tin tức, sự kiện và người tham gia) của 01 sự kiện toạ đàm, 01 phóng sự truyền hình, 01 bản tin truyền hình và 01 bản tin truyền thanh, 06 bài đăng trên 03 báo/tạp chí điện tử toàn quốc và 03 báo điện tử/tạp chí địa phương, thực hiện tại mục 5.1b
13	6.1	Báo cáo khởi động
14	6.2	Báo cáo cuối cùng

Sản phẩm 2.1 về Kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực này thuộc nhiệm vụ do Công ty Cổ phần Tư vấn EPRO phụ trách triển khai.

1.3 Sản phẩm 2.1

Kế hoạch/Chương trình đào tạo và nâng cao năng lực về bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường liên quan đến sử dụng đất, ứng phó với biến đổi khí hậu và sản xuất và tiêu dùng bền vững (dưới đây gọi tắt là Kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực) bao gồm:

1. Chủ đề đào tạo và nâng cao năng lực
2. Kế hoạch thực hiện 12 lớp đào tạo
3. Kế hoạch thực hiện 2 tài liệu hướng dẫn kỹ thuật
4. Kế hoạch thực hiện 2 cuộc họp có sự tham gia của các đô thị của dự án

2 CHỦ ĐỀ ĐÀO TẠO, NÂNG CAO NĂNG LỰC

2.1 Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực

Nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực từ kết quả khảo sát như sau:

- **Về hình thức:** Đào tạo tập trung tại địa phương, không quá 2 ngày/lớp, kết hợp lý thuyết và thảo luận.
- **Về chủ đề**: Các chủ đề đào tạo, nâng cao năng lực được quan tâm nhất tại đô thị mục tiêu và mở rộng của dự án bao gồm chính sách, giải pháp phát triển tại đô thị, mô hình thích ứng sạt lở, lũ quét, ngập lụt đô thị, quản lý rác thải sinh hoạt, cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư cấp xã, kiểm tra tuân thủ quy định pháp luật BVMT cấp xã, kế hoạch hành động đô thị xanh, quan trắc chất lượng môi trường phục vụ du lịch, đánh giá dữ liệu quan trắc môi trường, bảo vệ môi trường trong du lịch, lồng ghép bảo vệ môi trường và BĐKH trong lập quy hoạch đô thị, quản lý chất thải từ tấm quang năng.

Bảng dưới đây tổng hợp đề xuất các chủ đề theo hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực của gói thầu.

Bảng 2. Đề xuất chủ đề và hoạt động theo kết quả khảo sát

TT	Nội dung	Ghi chú
I	**Tập huấn (2 ngày x 12 lớp)**	
1 2 3	Chính sách, giải pháp phát triển đô thị Mô hình thích ứng sạt lở, lũ quét, ngập lụt đô thị Quản lý rác thải sinh hoạt	Lớp 1-9 tại 9 địa phương có đô thị mục tiêu và mở rộng
4	Cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư cấp xã	Lớp 10-12 tại các địa phương có đô thị mục tiêu
5	Kiểm tra tuân thủ quy định pháp luật BVMT cấp xã	
II	**Cuộc họp (1 ngày x 2 cuộc)**	
1 2	Kế hoạch hành động đô thị xanh Quan trắc chất lượng môi trường phục vụ du lịch	Cuộc họp 1
3 4	Đánh giá dữ liệu quan trắc môi trường Bảo vệ môi trường trong du lịch	Cuộc họp 2
III	**Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật (2 tài liệu)**	
1	Lồng ghép bảo vệ môi trường và BĐKH trong lập quy hoạch đô thị	Tài liệu 1
2	Quản lý chất thải từ tấm quang năng	Tài liệu 2

2.2 Cập nhập, điều chỉnh từ Dự án

Các chủ đề đào tạo, nâng cao năng lực của gói thầu đã khảo sát được bổ sung với các chủ đề từ gói thầu kỹ thuật khác của Dự án. Bảng sau tổng hợp các chủ đề cập nhật, điều chỉnh để xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực.

Bảng 3. Chủ đề xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực

TT	Chủ đề	Tài liệu tham khảo chính	Số lượng
I. ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN TẠI ĐỊA PHƯƠNG			
1	Bảo vệ môi trường nước		4
1.1	Phương pháp đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt để xác định hạn ngạch xả nước thải vào từng đoạn sông	QCBS-01, 02	
1.2	Phương pháp kiểm kê, đánh giá nguồn thải và môi trường nước	QCBS-01	
1.3	Phương pháp quan trắc, phân tích, đánh giá chất lượng nước theo chỉ số VN_WQI	QCBS-01, 02	
1.4	Ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động trạm xử lý nước thải khu dân cư tập trung	QCBS-10 (gói thầu mới đề xuất về xử lý nước thải)	
2	Bảo vệ môi trường không khí, đất		4
2.1	Phương pháp quan trắc, đánh giá và cảnh báo ô nhiễm không khí khu vực dân cư theo chỉ số VN_AQI	QCBS 01, 02, 07 (gói thầu mới đề xuất về kiểm soát ô nhiễm không khí)	
2.2	Phương pháp kiểm kê, đánh giá nguồn thải để lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí	QCBS-01, 07	
2.3	Phương pháp đánh giá các chất ô nhiễm khó phân huỷ (POPs) và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hoá, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân huỷ	QCBS-01, 02	
2.4	Phương pháp xác định, đánh giá khu vực bị ô nhiễm đất để cải tạo và phục hồi môi trường	QCBS-01, 12	
3	Sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường		2
3.1	Thu gom, phân loại, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt thành sản phẩm gia dụng, văn phòng thân thiện với môi trường	QCBS-04, 11 (gói thầu mới đề xuất về tái chế chất thải)	
3.2	Phương thức tính toán và đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam đối với một số sản phẩm thuộc lĩnh vực gia dụng và giao thông vận tải	QCBS-04, 03	
4	Bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH để phát triển các khu dân cư tập trung xanh		2
4.1	Xác định khu dân cư xanh theo tiêu chí về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	QCBS-02	
4.2	Hướng dẫn lập kế hoạch GCAP lồng ghép yêu cầu BVMT và chống chịu với BĐKH	QCBS-07, 08, 09	
4.3	Khuyến khích mua sắm xanh, bài học từ hoạt động gắn nhãn sinh thái cho các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường	QCBS-03, 04	
II	**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT (HDKT)**		**2**
1	Lựa chọn ứng dụng công nghệ phù hợp tái chế chất thải nhựa thành sản phẩm thân thiện hơn với môi trường	QCBS-11	1
2	Xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất ở quy mô nhỏ	QCBS-12	1
III	**CUỘC HỌP**		**2**

TT	Chủ đề	Tài liệu tham khảo chính	Số lượng
1	Phòng chống úng ngập, sạt lở để thích ứng BĐKH tại các khu vực tập trung, bài học kinh nghiệm từ Huế và các địa phương trong Dự án	QCBS-07, 08, 09	1
2	Phát triển du lịch xanh lồng ghép sinh kế và bảo vệ môi trường	QCBS-07, 08, 09	
3	Xây dựng và phối hợp thực hiện kế hoạch hành động đô thị xanh	QCBS-07, 08, 09	1
4	Khuyến khích tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường tại các khu vực công	QCBS-03	

3 KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 12 LỚP ĐÀO TẠO

3.1 Tổ chức đào tạo

5 chủ đề đào tạo được đề xuất triển khai cho 12 lớp tại 8 địa phương mục tiêu và mở rộng của dự án theo hai đợt như sau:

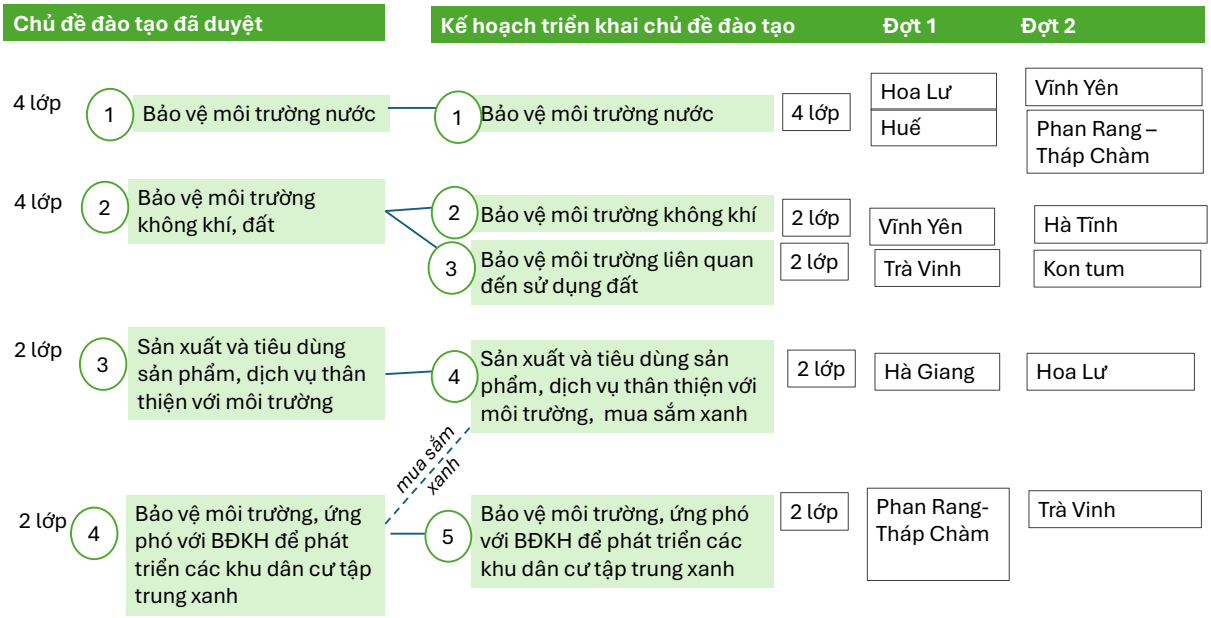

Hình 1. Tổng quan 12 lớp đào tạo

3.1.1 Chủ đề

Đề xuất đào tạo theo 5 chủ đề, trong đó tách Chủ đề 2 về Bảo vệ môi trường không khí, đất thành 2 chủ đề riêng biệt là Bảo vệ môi trường không khí và Bảo vệ môi trường liên quan đến sử dụng đất để lựa chọn địa điểm và đối tượng đào tạo thuận lợi hơn.

Đề xuất chuyển nội dung đào tạo mua sắm xanh thuộc chủ đề Bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH để phát triển các khu dân cư tập trung xanh (mục 4.3, Bảng 3) về Chủ đề Sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường vì cùng mục tiêu thúc dẩy tiêu dùng bền vững.

3.1.2 Địa điểm tổ chức

Địa điểm đào tạo đề xuất được lựa chọn theo các bước và phương pháp sau:

Bước 1. Trong cùng một chủ đề đào tạo, so sánh, sắp xếp thứ tự ưu tiên giữa các địa phương từ 1 đến 8 dựa trên phương pháp chuyên gia, kết quả khảo sát và nội dung đào tạo được mô tả tại Bảng 3. Cụ thể, với chủ đề bảo vệ chất lượng nước, không khí, ưu tiên các địa phương cần tăng cường năng lực đánh giá và quản lý ô nhiễm từ hoạt động công nghiệp, du lịch. Với chủ đề bảo vệ môi trường liên quan đến sử dụng đất, ưu

tiên địa phương cần tăng cường năng lực đánh giá và phục hồi ô nhiễm đất từ hoạt động sử dụng chất hữu cơ khó phân huỷ POPs cho hoạt động nông nghiệp. Với chủ đề sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, ưu tiên các địa phương có tiềm năng du lịch để phát triển tiêu dùng bền vững. Đối với chủ đề về khu dân cư tập trung xanh, ưu tiên các địa phương xây mới kế hoạch đô thị xanh, khu dân cư tập trung cần quan tâm đến ứng phó biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Bước 2. Trong một địa phương, so sánh, sắp xếp thứ tự ưu tiên giữa các nội dung đào tạo theo ưu tiên của địa phương đã chia sẻ tại kết quả khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo nâng cao năng lực, kết hợp phương pháp chuyên gia đánh giá thực tế triển khai.

Bước 3. Tổng hợp ưu tiên về chủ đề đào tạo và nhu cầu tại địa phương, đảm bảo mỗi địa phương có ít nhất 1 lớp đào tạo được tổ chức.

Kết quả chấm điểm được đính kèm trong phụ lục 7.1. Bảng sau tổng hợp đề xuất địa điểm và chủ đề đào tạo.

Bảng 4. Đề xuất phân bổ 12 lớp theo chủ đề và địa điểm tổ chức

Chủ đề, địa điểm	BVMT nước	BVMT không khí	BVMT liên quan đến sử dụng đất	Sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm xanh	BVMT, thích ứng BĐKH, phát triển khu dân cư tập trung xanh	**Tổng**
Huế	1					**1**
Vĩnh Yên	1	1				**2**
Hà Giang				1		**1**
Hoa Lư	1			1		**2**
Hà Tĩnh		1				**1**
Kon tum			1			**1**
Phan Rang - Tháp Chàm	1				1	**2**
Trà Vinh			1		1	**2**
Tổng	**4**	**2**	**2**	**2**	**2**	**12**

3.1.3 Thời lượng và thời gian tổ chức

Mỗi lớp đào tạo được thực hiện trong thời gian 1-2 ngày, bao gồm đào tạo trên lớp và tham quan thực tế, trong đó thời lượng đào tạo trên lớp là 1 ngày, bao gồm 50% lý thuyết và 50% tương tác, thực hành.

12 lớp đào tạo được chia thành 2 đợt, mỗi đợt thực hiện 50% khối lượng của mỗi chủ đề. Cụ thể: 2 lớp về BVMT nước, 1 lớp về BVMT không khí, 1 lớp về BVMT liên quan đến sử dụng đất, 1 lớp về Tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm công xanh và 1 lớp về BVMT, thích ứng BĐKH, phát triển khu dân cư tập trung xanh. Báo cáo kết quả đào tạo đợt 1 là cơ sở điều chỉnh, cập nhật để triển khai đợt 2.

Thời gian và địa điểm tổ chức đào tạo dự kiến như sau:

- **Đợt 1:** từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2025 gồm 6 lớp tại Hà Giang, Vĩnh Yên, Hoa Lư, Huế, Phan Rang - Tháp Chàm và Trà Vinh. Mỗi tuần thực hiện 1 lớp;
- **Đợt 2**: từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2026 gồm 6 lớp tại Vĩnh Yên, Hoa Lư, Hà Tĩnh, Kon tum, Phan Rang - Tháp Chàm và Trà Vinh. Mỗi tuần thực hiện 1 lớp.

3.1.4 Đối tượng

Đối tượng tham gia các các lớp đào tạo đảm bảo tối thiểu 60 đại biểu (33% là nữ), bao gồm:

- Cán bộ cấp sở, phường/xã;
- Cán bộ các trung tâm quan trắc;
- Cán bộ đơn vị tư vấn môi trường;
- Giảng viên các trường đại học/ cán bộ viện nghiên cứu, doanh nghiệp, cơ quan báo chí quan tâm

3.1.5 Phương pháp thực hiện

Tại mỗi lớp học, giảng viên sẽ đóng vai trò như người dẫn dắt, đặt ra các câu hỏi ban đầu để đánh giá trình độ và sự chênh lệch trình độ của học viên đối với chủ đề đào tạo, và chia sẻ kiến thức, kỹ thuật, kinh nghiệm về chủ đề đào tạo thông qua thuyết trình, tương tác, thực hành, phát huy kinh nghiệm sẵn có của học viên. Các lớp đào tạo sẽ bao gồm đào tạo tập trung trên lớp và đào tạo tại điểm tham quan. Các phương pháp áp dụng cho đào tạo gồm:

- Thuyết trình kết hợp hỏi đáp: Giảng viên giới thiệu nội dung, đồng thời đặt câu hỏi, gợi mở tình huống để học viên tham gia, từ đó giúp việc tiếp thu chủ động và sâu sắc hơn.. Các nội dung lý thuyết chuyên sâu có thể tham khảo tại tài liệu đọc thêm và tài liệu tham khảo.
- Thực hành: Sử dụng đa dạng các phương pháp thực hành như câu hỏi quiz, thảo luận, tráo đổi vai trò, bài tập mô phỏng, thảo luận nhóm... nhằm làm rõ vai trò các bên liên quan, hoạt động cần tăng cường và cách thức bắt đầu để cải thiện hiệu quả công tác BVMT, thích ứng với BĐKH, sử dụng đất liên quan đến BVMT và phát triển khu dân cư tập trung xanh tại địa phương.
- Tham quan thực tế: Tổ chức tham quan thực tế tại trạm xử lý chất thải, nhà máy tái chế v.v để đào tạo, nâng cao năng lực theo tình huống cụ thể.

3.1.6 Tài liệu và công cụ hỗ trợ

Tài liệu được xây dựng dựa trên tài liệu kỹ thuật của dự án (xem Bảng 3) và các tài liệu tham khảo bổ sung (các văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo chuyên đề, công trình nghiên cứu...).

Tài liệu đào tạo bao gồm bài giảng (dạng powerpoint), tài liệu đọc thêm (dạng text), tài liệu thực hành (dạng text) và tài liệu tham khảo theo các nội dung khung chương trình đào tạo được trình bày tại chương 3.2.

Tài liệu được phép chia sẻ cho học viên sẽ được tải lên Google Drive và trang web của Dự án.

Ngoài ra, văn phòng phẩm phục vụ lớp đào tạo như bảng, flipchart, bút và giấy, v.v sẽ được cung cấp đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên và học viên.

3.1.7 Giảng viên và trợ giảng

- ***Giảng viên:*** Mỗi lớp đào tạo có 2 giảng viên chính, mỗi người phụ trách một chủ đề chính và xây dựng tài liệu đào tạo, thực hiện đào tạo trực tiếp.
- ***Trợ giảng:*** Mỗi lớp đào tạo có ít nhất 2 trợ giảng để hỗ trợ giảng viên trong các công việc sau:
    - Quản lý học viên và tổ chức hậu cần cho lớp học
    - Hỗ trợ thảo luận, thực hành.
    - Tổng hợp phản hồi và trao đổi với giảng viên để cải thiện chất lượng đào tạo.

Cán bộ kỹ thuật của các gói thầu của dự án, cán bộ địa phương có thể sẽ được mời thêm tuỳ trường hợp cụ thể.

Danh sách giảng viên, trợ giảng được đính kèm tại Phụ lục 7.2.

3.1.8 Đánh giá kết quả đào tạo

Biểu đánh giá sau đào tạo sẽ được sử dụng nhằm thu thập phản hồi của học viên về nội dung, phương pháp, tài liệu đào tạo và công tác tổ chức theo 5 mức từ "rất không hài lòng" đến "rất hài lòng". Biểu đánh giá cũng thu thập các ý kiến góp ý khác liên quan đến công tác tổ chức, hỗ trợ sau đào tạo.

Cấu trúc của biểu đánh giá gồm các phần:

- Thông tin chung: Tên khóa học, thời gian, địa điểm; giới tính, chức vụ và đơn vị công tác của học viên.
- Nội dung: Mức độ phù hợp, hữu ích của mỗi nội dung đào tạo
- Phương pháp: Cách thức truyền đạt, thực hành, phân bổ thời gian của mỗi nội dung đào tạo
- Tài liệu: Hình thức, nội dung của tài liệu đào tạo
- Công tác tổ chức: Địa điểm, công tác hậu cần, hỗ trợ học viên
- Góp ý và đề xuất

3.1.9 Báo cáo kết quả đào tạo

2 báo cáo kết quả đào tạo sẽ được xây dựng, trong đó báo cáo số 1 tổng hợp kết quả của 6 lớp đào tạo đợt 1 về nội dung bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường và chống chịu với BĐKH tại các đô thị dự án và báo cáo số 2 tổng hợp kết quả của 6 lớp đào tạo tiếp theo.

Báo cáo kết quả đào tạo sẽ bao gồm các nội dung sau:

1. Giới thiệu

2. Khung kế hoạch và hoạt động

3. Tổ chức đào tạo

- Lớp 1 đến lớp 12: mục tiêu, thời gian, địa điểm, học viên, kết quả nổi bật, kết quả đánh giá, ý kiến góp ý, kết luận
- Tổng hợp kết quả thực hiện

4. Kết luận và khuyến nghị

5. Phụ lục (danh sách học viên, chương trình, hình ảnh)

3.2 Khung nội dung đào tạo

3.2.1 Chủ đề 1. Bảo vệ môi trường nước

Đào tạo về chủ đề bảo vệ môi trường nước có mục tiêu trang bị kiến thức nâng cao năng lực quản lý chất lượng nước, kỹ thuật quan trắc, phân tích, đánh giá chất lượng nước, khả năng chịu tải, cập nhật các công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt tiên tiến, qua đó xác định các nội dung cần bắt đầu, cải tiến tại địa phương.

Chủ đề được đào tạo tại Hoa Lư, Huế, Vĩnh Yên và Phan Rang - Tháp Chàm. Tại mỗi địa phương, lớp đào tạo chủ đề này sẽ được thực hiện trong 1,5 ngày (1 ngày đào tạo tập trung và 0,5 ngày tham quan thực tế) với tỷ lệ phân bổ lý thuyết và thực hành là 31% và 69%. Tổng thời gian đào tạo trên lớp là 6,5 giờ, bao gồm 50% lý thuyết và 50% thực hành (đề xuất chương trình và tỷ lệ lý thuyết và thực hành trên lớp được đính kèm tại Bảng 17, phụ lục 7.3).

Khung nội dung đào tạo được trình bày trong bảng sau.

Bảng 5. Khung nội dung đào tạo về BVMT nước

Nội dung đào tạo, nâng cao năng lực	Mục tiêu	Thực hiện		Thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng	Lý thuyết	Thực hành
TỔNG (phút)				**630**	**195**	**435**
Phân bổ thời gian (trên lớp + thực hành)				**100%**	**31%**	**69%**
Giới thiệu	Giới thiệu chủ đề đào tạo, đánh	BVMT nước (phân loại, chỉ tiêu, nguồn gây ô nhiễm, nguồn	Hỏi đáp làm quen và đánh giá trình độ học viên	30	10	20

Nội dung đào tạo, nâng cao năng lực	Mục tiêu	Thực hiện		Thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng	Lý thuyết	Thực hành
	giá đối tượng tham gia đào tạo	tiếp nhận, vai trò trách nhiệm các bên liên quan và mối liên hệ với lớp đào tạo)				
Phương pháp quan trắc, phân tích, đánh giá chất lượng nước theo chỉ số VN_WQI	Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng và các cải tiến so với thực hành hiện tại	Quan trắc, phân tích, đánh giá chất lượng nước (quy định, chỉ số, công cụ, tần suất, vị trí quan trắc, phương pháp phân tích và đánh giá chất lượng nước)	Hỏi đáp nhanh về thực hành quan trắc, phân tích, đánh giá chất lượng nước tại địa phương	45	30	15
		Chỉ số VN_WQI (Bộ chỉ số, mức đánh giá, trường hợp áp dụng, tính toán và công bố thông tin)	Bài tập nhóm mô phỏng tính toán WQI và thiết kế chương trình quan trắc cải tiến	45	20	25
Phương pháp kiểm kê, đánh giá nguồn thải và môi trường nước	Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng và cách thức bắt đầu	Kiểm kê, đánh giá nguồn thải và môi trường nước (khái niệm, quy định, công cụ thực hiện, ưu nhược điểm, các trường hợp áp dụng)	Hỏi đáp thực hành tại địa phương	45	30	15
		Các bước đánh giá nguồn thải và môi trường nước (thu thập dữ liệu, tổng hợp, đánh giá, lưu ý khi thực hiện)	Bài tập đề xuất vị trí, thông số và dữ liệu kiểm kê, đánh giá nguồn thải và môi trường nước tại địa phương	45	15	30
Phương pháp đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt để xác định hạn ngạch xả nước thải vào từng đoạn sông	Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng, phương pháp phù hợp tại địa phương	Đánh giá khả năng chịu tải, hạn ngạch xả nước thải (khái niệm, quy định, các trường hợp áp dụng)	Quiz làm rõ khái niệm	45	30	15
		Phương pháp đánh giá (mô hình hoá, cân bằng vật chất…), ưu nhược điểm và áp dụng thực tế	Thảo luận nhóm về thực hành tại địa phương (sông Hoàng Long, sông Hương, sông Cà Lồ, sông Dinh)	45	30	15
Ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động trạm xử lý nước thải khu dân cư tập trung	Học viên được cập nhật, so sánh tiềm năng áp dụng của công nghệ xử lý nước thải khu vực dân	Công nghệ xử lý nước thải khu dân cư tập trung truyền thông (ưu, nhược điểm, phạm vi áp dụng)	Địa phương bổ sung thông tin về các loại công nghệ đang áp dụng	45	15	30
		Công nghệ xử lý nước thải tiên tiến (hiệu suất, chi phí, phạm vi áp dụng)	Thảo luận nhóm về phạm vi và công nghệ có thể áp dụng tại địa phương	45	15	30

Nội dung đào tạo, nâng cao năng lực	Mục tiêu	Thực hiện		Thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng	Lý thuyết	Thực hành
	cư tập trung tại địa phương					
Áp dụng tại địa phương	Học viên được thảo luận sâu, làm rõ về các nội dung thực hành trên lớp	Giới thiệu câu hỏi thảo luận tại điểm tham quan	Tham quan và chia sẻ kinh nghiệm tại trạm xử lý nước thải /trạm quan trắc nước thải tại địa phương	240		240

3.2.2 Chủ đề 2: Bảo vệ môi trường không khí

Đào tạo về chủ đề bảo vệ môi trường không khí nhằm mục tiêu trang bị kiến thức và nâng cao năng lực quản lý, cảnh báo chất lượng không khí, kỹ thuật quan trắc đánh giá nguồn thải để xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng không khí tại địa phương.

Chủ đề được đào tạo tại Vĩnh Yên và Hà Tĩnh. Tại mỗi địa phương, lớp đào tạo về chủ để này sẽ thực hiện trong 1,5 ngày (1 ngày đào tạo tập trung và 0,5 ngày tham quan thực tế) với tỷ lệ phân bổ lý thuyết và thực hành là 30% và 70%. Tổng thời gian đào tạo trên lớp là 6,5 giờ, bao gồm 50% lý thuyết và 50% thực hành (đề xuất chương trình và tỷ lệ lý thuyết và thực hành trên lớp được đính kèm tại Bảng 18, phụ lục 7.3).

Khung nội dung đào tạo được trình bày trong bảng sau.

Bảng 6. Khung nội dung đào tạo về BVMT không khí

Nội dung đào tạo, nâng cao năng lực	Mục tiêu	Thực hiện		Thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng	Lý thuyết	Thực hành
			TỔNG (phút)	**630**	**190**	**440**
			Phân bổ thời gian	**100%**	**30%**	**70%**
Giới thiệu	Giới thiệu chủ đề đào tạo, đánh giá đối tượng tham gia đào tạo	BVMT không khí (ô nhiễm không khí, nguồn ô nhiễm không khí, dữ liệu ô nhiễm không khí, kế hoạch quản lý chất lượng không khí, vai trò trách nhiệm các bên liên quan và mối liên hệ với lớp đào tạo)	Hỏi đáp làm quen và đánh giá trình độ học viên	30	10	20
Phương pháp quan trắc,	Học viên hiểu đúng	Khái niệm và quy định hiện hành về	Thảo luận, chia sẻ thông tin về nguồn	90	60	30

Nội dung đào tạo, nâng cao năng lực	Mục tiêu	Thực hiện		Thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng	Lý thuyết	Thực hành
đánh giá và cảnh báo ô nhiễm không khí khu vực dân cư theo chỉ số VN_AQI	yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng, xác định các cải tiến so với thực hành hiện tại	quan trắc (thông số, công cụ, vị trí quan trắc, phương pháp quan trắc, tần suất)	ô nhiễm, hiện trạng và nhu cầu quan trắc			
		Đánh giá và cảnh báo ô nhiễm không khí khu vực dân cư theo chỉ số VN_AQI (bộ chỉ số, mức cảnh báo, tính toán và công bố thông tin, thực hành tốt)	- Thảo luận: Hiện trạng đánh giá và cảnh báo ô nhiễm không khí khu vực dân cư tại địa phương - Bài tập nhóm: Mô phỏng xử lý dữ liệu và tính toán VN_AQI	90	30	60
Phương pháp kiểm kê, đánh giá nguồn thải để lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí	Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng và cách thức bắt đầu	Khái niệm và quy định hiện hành (kiểm kê, nguồn điểm, nguồn diện, nguồn di động, phương pháp xác định nguồn thải, kế hoạch quản lý môi trường không khí)	Quiz làm rõ khái niệm	60	45	15
		Phương pháp kiểm kê (đo trực tiếp, sử dụng hệ số, mô hình, ưu nhược điểm và ứng dụng)	Bài tập: lựa chọn và đề xuất phương pháp kiểm kê tại một khu vực hoặc lĩnh vực theo điều kiện của địa phương	60	30	30
		Xây dựng dữ liệu kiểm kê để lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí (loại dữ liệu, yêu cầu về dữ liệu)	Bài tập mô phỏng tính toán phát thải từ 1 nguồn ô nhiễm không khí	60	15	45
Áp dụng tại địa phương	Học viên được thảo luận sâu, làm rõ về các nội dung thực hành trên lớp	Giới thiệu câu hỏi thảo luận tại điểm tham quan	Tham quan và chia sẻ kinh nghiệm tại trạm quan trắc khí thải của địa phương	240		240

3.2.3 Chủ đề 3: Bảo vệ môi trường đất

Đào tạo về chủ đề bảo vệ môi trường đất có mục tiêu cung cấp kiến thức và nâng cao năng lực quản lý chất hữu cơ khó phân huỷ POPs, ô nhiễm POPs trong quá trình sử dụng đất, kỹ thuật xác định, đánh giá khu vực ô nhiễm để cải tạo và phục hồi môi trường, qua đó xác định các khu vực cần tăng cường quản lý, giám sát.

Chủ đề được đào tạo tại Trà Vinh và Kon tum. Tại mỗi địa phương, lớp đào tạo về chủ để này sẽ thực hiện trong 1,5 ngày (1 ngày đào tạo tập trung và 0,5 ngày tham quan thực tế) với tỷ lệ phân bổ lý thuyết và thực hành là 31% và 69%. Tổng thời gian đào tạo trên lớp là 6,5 giờ, bao gồm 50% lý thuyết và 50% thực hành (đề xuất chương trình và tỷ lệ lý thuyết và thực hành trên lớp được đính kèm tại Bảng 19, phụ lục 7.3).

Khung nội dung đào tạo được trình bày trong bảng sau.

Bảng 7. Khung nội dung đào tạo về BVMT đất

Nội dung đào tạo, nâng cao năng lực	Mục tiêu	Thực hiện		Thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng	Lý thuyết	Thực hành
			TỔNG (phút)	**630**	**195**	**435**
			Phân bổ thời gian	**100%**	**31%**	**69%**
Giới thiệu	Giới thiệu chủ đề đào tạo, đánh giá đối tượng tham gia đào tạo	BVMT đất (ô nhiễm đất, nguồn ô nhiễm đất, thành phần ô nhiễm đất, ưu tiên xử lý ô nhiễm đất, vai trò trách nhiệm các bên liên quan và mối liên hệ với lớp đào tạo)	Hỏi đáp làm quen và đánh giá trình độ học viên	30	10	20
Phương pháp đánh giá các chất ô nhiễm khó phân huỷ (POPs) và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hoá, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân huỷ	Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng, cách thức bắt đầu nhận diện tại địa phương	Khái niệm và quy định hiện hành về POPs (đặc điểm, tác động, nguồn phát sinh, công ước stockholm, quy định của Việt nam)	Quiz làm rõ khái niệm	60	45	15
		Đánh giá các chất ô nhiễm POPs (nguyên tắc, lấy mẫu, phân tích và đối chứng)	Thảo luận nhóm nhận diện nguyên liệu, nhiên liệu, ,vật liệu, sản phẩm, hàng hoá, thiết bị có chứa POPs tại địa phương	90	45	45
Phương pháp xác định, đánh giá khu vực bị ô nhiễm đất để cải tạo và phục hồi môi trường	Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng và cách thức bắt đầu	Ô nhiễm liên quan đến sử dụng đất (phân loại, nguồn ô nhiễm, chất ô nhiễm, ô nhiễm POPs từ sử dụng đất)	Thảo luận nhóm: nhận diện nguồn phát sinh, khu vực cần xác định, đánh giá ô nhiễm đất để cải tạo và phục hồi	60	30	30
		Xác định, đánh giá khu vực ô nhiễm đất từ sử dụng đất (quy trình, công cụ, lấy mẫu, phân tích, đánh giá, thực hành tốt)	Thảo luận nhóm: Thiết kế chương trình lấy mẫu và đánh giá nguy cơ ô nhiễm đất	90	45	45

Nội dung đào tạo, nâng cao năng lực	Mục tiêu	Thực hiện		Thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng	Lý thuyết	Thực hành
		Một số biện pháp cải tạo và phục hồi ô nhiễm đất (biện pháp kỹ thuật, truyền thông, giám sát sau cải tạo, thực hành tốt)	Thực hành tình huống Truyền thông khu vực ô nhiễm đất sẽ cải tạo và phục hồi môi trường	60	20	40
Áp dụng tại địa phương	Học viên được thảo luận sâu, làm rõ về các nội dung thực hành trên lớp	Giới thiệu câu hỏi thảo luận tại điểm tham quan	Tham quan và chia sẻ kinh nghiệm tại một khu vực trồng trọt của địa phương	240		240

3.2.4 Chủ đề 4: Sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm xanh

Đào tạo về chủ đề sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm xanh có mục đích cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực, kỹ năng hướng dẫn về thu gom, phân loại, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt, thúc đẩy áp dụng nhãn sinh thái và mua sắm xanh tại địa phương.

Chủ đề được đào tạo tại Hà Giang và Hoa Lư. Tại mỗi địa phương, lớp đào tạo về chủ để này sẽ thực hiện trong 1,5 ngày (1 ngày đào tạo tập trung và 0,5 ngày tham quan thực tế) với tỷ lệ phân bổ lý thuyết và thực hành là 31% và 69%. Tổng thời gian đào tạo trên lớp là 6,5 giờ, bao gồm 50% lý thuyết và 50% thực hành (đề xuất chương trình và tỷ lệ lý thuyết và thực hành trên lớp được đính kèm tại Bảng 20, phụ lục 7.3).

Khung nội dung đào tạo được trình bày trong bảng sau.

Bảng 8. Khung nội dung đào tạo về sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm xanh

Nội dung đào tạo, nâng cao năng lực	Mục tiêu	Thực hiện		Thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng	Lý thuyết	Thực hành
			TỔNG (phút)	**630**	**195**	**435**
			Phân bổ thời gian	**100%**	**31%**	**69%**
Giới thiệu	Giới thiệu chủ đề đào tạo, đánh giá đối tượng tham gia đào tạo	Sản xuất và tiêu dùng bền vững (sản phẩm dịch vụ thân thiện với môi trường, nhãn sinh thái, hành vi tiêu dùng, vai trò trách nhiệm các bên liên quan và mối liên hệ với lớp đào tạo)	Hỏi đáp làm quen và đánh giá trình độ học viên	30	10	20

Thu gom, phân loại, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt thành sản phẩm gia dụng, văn phòng thân thiện với môi trường	Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng, cách thức hướng dẫn và thúc đẩy các mô hình tốt tại địa phương	Thu gom, phân loại CTRSH (nguyên tắc, hướng dẫn, thực hành tốt)	Thực hành nhóm: Hướng dẫn thu gom, phân loại CTRSH	90	45	45
		Tái chế, tái sử dụng nhựa, giấy, kim loại , thuỷ tinh (nguyên tắc tái chế và tái sử dụng, quy định và công nghệ tái chế, mô hình áp dụng)	Bài tập đổi vai: Lựa chọn, ưu tiên loại CTRSH từ hoạt động du lịch để tái chế, tái sử dụng tại địa phương	60	30	30
Phương thức tính toán và đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam đối với một số sản phẩm thuộc lĩnh vực gia dụng và giao thông vận tải	Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng và cách thức thúc đẩy áp dụng tại địa phương	Tiêu chí nhãn sinh thái Việt Nam (cấu trúc tiêu chí, quy trình đăng ký, chứng nhận)	Quiz tiêu chí nhãn sinh thái	30	20	10
		Nhãn sinh thái Việt nam (tiêu chí đã ban hành, yêu cầu về hồ sơ đánh giá, sản phẩm và hồ sơ chứng nhận nhãn sinh thái Việt Nam, kế hoạch ban hành các tiêu chí nhãn sinh thái cho các sản phẩm gia dụng và giao thông vận tải)	Bài tập mô phỏng: Thực hành đánh giá tiềm năng sản phẩm bao bì nhựa đáp ứng tiêu chí nhãn sinh thái Việt Nam	90	45	45
Khuyến khích mua sắm xanh, bài học từ hoạt động gắn nhãn sinh thái cho các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường	Học viên hiểu đúng tiềm năng, ưu thế địa phương trong việc thúc đẩy, khuyến khích mua sắm xanh	Mua sắm xanh (nhận biết sản phẩm, dịch vụ, mua sắm công, các biện pháp, công cụ thay đổi hành vi)	Bài tập nhóm: Khuyến khích mua sắm xanh đối với các sản phẩm, dịch vụ du lịch tại địa phương	90	45	45
Áp dụng tại địa phương	Học viên được thảo luận sâu, làm rõ về các nội dung thực hành trên lớp	Giới thiệu câu hỏi thảo luận tại điểm tham quan	Tham quan và chia sẻ kinh nghiệm tại một cơ sở tái chế của địa phương	240		240

3.2.5 Chủ đề 5: BVMT, thích ứng với BĐKH, phát triển khu dân cư tập trung xanh

Chủ đề BVMT, thích ứng với BĐKH, phát triển khu dân cư tập trung xanh có mục đích cung cấp kiến thức và nâng cao năng lực quản lý khu dân cư tập trungvề bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH, hiểu đúng yêu cầu đối với khu dân cư xanh, qua

đó xác định các nội dung ưu tiên và tăng cường nội dung kế hoạch phát triển khu dân cư xanh tại địa phương.

Chủ đề được đào tạo tại Phan Rang-Tháp Chàm và Trà Vinh. Tại mỗi địa phương, lớp đào tạo về chủ để này sẽ thực hiện trong 1,5 ngày (1 ngày đào tạo tập trung và 0,5 ngày tham quan thực tế) với tỷ lệ phân bổ lý thuyết và thực hành là 31% và 69%. Tổng thời gian đào tạo trên lớp là 6,5 giờ, bao gồm 50% lý thuyết và 50% thực hành (đề xuất chương trình và tỷ lệ lý thuyết và thực hành trên lớp được đính kèm tại Bảng 21, phụ lục 7.3).

Khung nội dung đào tạo được trình bày trong bảng sau.

Bảng 9. Khung nội dung đào tạo về BVMT, thích ứng với BĐKH, phát triển khu dân cư tập trung xanh

Nội dung đào tạo, nâng cao năng lực	Mục tiêu	Thực hiện		Thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng	Lý thuyết	Thực hành
			TỔNG (phút)	**630**	**195**	**435**
			Phân bổ thời gian	**100%**	**31%**	**69%**
Giới thiệu	Giới thiệu chủ đề đào tạo, đánh giá đối tượng tham gia đào tạo	Khu dân cư tập trung xanh (khái niệm, đặc điểm)	Hỏi đáp làm quen và đánh giá trình độ học viên	30	15	15
Xác định khu dân cư xanh theo tiêu chí về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	Học viên hiểu đúng tiêu chí xác định và tự đánh giá cho địa phương	Tiêu chí đánh giá khu dân cư xanh (cấu trúc, giải thích các tiêu chí và phạm vi áp dụng)	Hỏi đáp về các tiêu chí áp dụng tại địa phương	60	30	30
		Cách đo lường xác định khu dân cư xanh (phương pháp, các bước thực hiện)	Bài tập nhóm: Đánh giá phạm vi cải tiến xây dựng 1 khu dân cư xanh tại địa phương	60	30	30
Hướng dẫn lập kế hoạch GCAP lồng ghép yêu cầu BVMT và chống chịu với BĐKH	Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng và cách thức thực hiện tại địa phương	Khung kế hoạch GCAP lồng ghép yêu cầu BVMT và chống chịu BĐKH (Khái niệm, mục đích GCAP, kinh nghiệm quốc tế áp dụng cho Việt Nam)	Bài tập nhóm về xây dựng khung kế hoạch GCAP tại địa phương	60	30	30
		Lập kế hoạch GCAP (quy trình, các bước thực hiện, thu thập số liệu, đề xuất, ví dụ áp dụng)	Bài tập thực hành: xác định phương án thu thập số liệu xây dựng GCAP tại địa phương	120	60	60

Nội dung đào tạo, nâng cao năng lực	Mục tiêu	Thực hiện		Thời gian		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng	Lý thuyết	Thực hành
		Rà soát, cập nhật GCAP tại địa phương (phương pháp, các bước thực hiện, ví dụ áp dụng)	Bài tập mô phỏng: Rà soát, xác định các nội dung cần điều chỉnh, cập nhật trong kế hoạch GCAP	60	30	30
Áp dụng tại địa phương	Học viên được thảo luận sâu, làm rõ về các nội dung thực hành trên lớp	Giới thiệu câu hỏi thảo luận tại điểm tham quan	Tham quan và chia sẻ kinh nghiệm triển khai hoạt động phát triển hạ tầng BVMT, chống chịu BĐKH của địa phương	240		240

4 KẾ HOACH THỰC HIỆN TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT

4.1 Phạm vi tài liệu hướng dẫn kỹ thuật

Hai tài liệu hướng dẫn kỹ thuật (HDKT) về lựa chọn ứng dụng công nghệ phù hợp tái chế chất thải nhựa thành sản phẩm thân thiện hơn với môi trường và xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất ở quy mô nhỏ được đề xuất xây dựng với phạm vi sau dây.

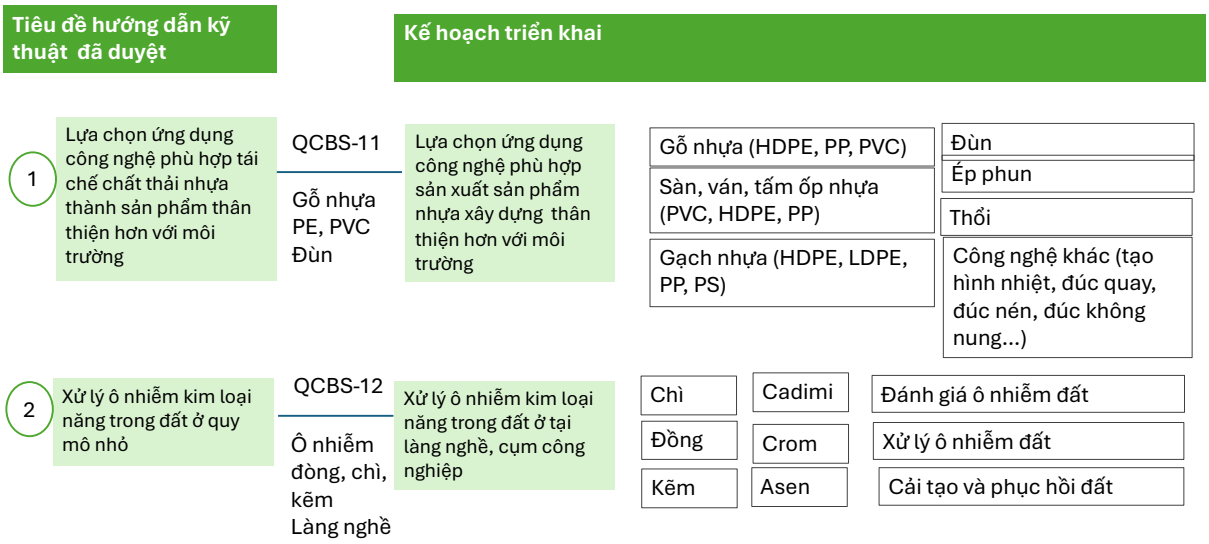

Hình 2. Tổng quan phạm vi tài liệu hướng dẫn kỹ thuật

4.1.1 Mục tiêu HDKT

Tài liệu Lựa chọn ứng dụng công nghệ phù hợp tái chế chất thải nhựa thành sản phẩm thân thiên hơn với môi trường có mục tiêu hướng dẫn lựa chọn thiết bị, công nghệ sản xuất sản phẩm có sử dụng nguyên liệu từ chất thải nhựa (nhựa tái chế), thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững hơn, đảm bảo quy định về BVTM.

Tài liệu Xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất ở quy mô nhỏ có mục tiêu hướng dẫn xác định, xử lý, cải tạo và phục hồi đất ô nhiễm kim loại nặng tại làng nghề, cụm công nghiệp và các khu vực ô nhiễm quy mô nhỏ, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng đất.

4.1.2 Phạm vi HDKT

Tài liệu Lựa chọn ứng dụng công nghệ phù hợp tái chế chất thải nhựa thành sản phẩm vật liệu xây dựng thân thiện hơn với môi trường bao gồm hướng dẫn lựa chọn công nghệ đùn, phun, thổi và các công nghệ khác (tạo hình nhiệt, đúc quay, đúc nén, đúc không nung...) để sản xuất gỗ nhựa, gạch nhựa, ván nhựa từ phế liệu PE (HDPE, LDPE), PP, PS và PVC. Tài liệu sẽ bám theo nội dung kết quả được triển khai từ gói thầu QCBS-11, mở rộng cho sản phẩm ván và gạch nhựa cũng như phạm vi ứng dụng của các công nghệ phun, thổi, công nghệ khác, các đặc tính hoá lý của phế liệu nhựa

khác như PP, PS, LDPE. Theo chuỗi giá trị sản phẩm, tài liệu sẽ bắt đầu từ nguyên liệu nhựa tái chế sử dụng cho sản xuất và không đề cập đến tái chế hạt nhựa do đã có tài liệu hướng dẫn về tái chế nhựa bền vững của dự án Rethinking Plastics thực hiện.

Tài liệu Xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất ở quy mô nhỏ bao gồm các kỹ thuật và công cụ đánh giá, xử lý kim loại nặng trong đất (đồng, chì, cadimi, kẽm, crom, asen), từ lấy mẫu, phân tích xác định ô nhiễm đất, lựa chọn phương án và triển khai xử lý và phục hồi môi trường đất. Tài liệu sẽ bám theo nội dung kết quả được triển khai từ gói thầu QCBS-12 và mở rộng thêm với các mô hình xử lý crom, cadimi và asen.

4.1.3 Đối tượng HDKT

Tài liệu Lựa chọn ứng dụng công nghệ phù hợp tái chế chất thải nhựa thành sản phẩm vật liệu xây dựng thân thiện hơn với môi trường được biên soạn cho đối tượng chính là doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cụ thể là các doanh nghiệp sản xuất gỗ nhựa, sàn, ván, tấm ốp nhựa và gạch nhựa.

Tài liệu Xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất ở quy mô nhỏ được biên soạn cho hai đối tượng chính là cơ quan quản lý tại địa phương, đơn vị xử lý môi trường đất quy mô nhỏ, làng nghề, cụm công nghiệp.

4.1.4 Tiêu đề tài liệu HDKT

Tài liệu HDKTLựa chọn ứng dụng công nghệ phù hợp tái chế chất thải nhựa thành sản phẩm thân thiên hơn với môi trường được xây dựng, tham khảo kết quả gói thầu QCBS-11. Gói thầu QCBS đã lựa chọn và sản xuất thí điểm công nghệ sản xuất gỗ nhựa compostit sử dụng nhựa PE, PVC bằng phương pháp đùn nhựa. Để tập trung phạm vi hướng dẫn kỹ thuật, đề xuất:

- Cụ thể hoá tên nhóm sản phẩm thân thiện hơn với môi trường trong tài liệu là nhựa xây dựng (gỗ nhựa, sàn, ván, tấm ốp nhựa, gạch nhựa)
- Bỏ cụm từ tái chế chất thải nhựa trong tên tài liệu hướng dẫn do không bao gồm phạm vi sản xuất nguyên liệu nhựa tái chế (hạt, vẩy)
- Điều chỉnh tên tài liệu thành "**Lựa chọn ứng dụng công nghệ phù hợp tái chế chất thải nhựa thành sản phẩm nhựa xây dựng thân thiện hơn với môi trường".**

Tài liệu HDKTXử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất ở quy mô nhỏ được xây dựng, tham khảo kết quả gói thầu QCBS-12. Gói thầu QCBS-12 đã lựa chọn và xử lý thí điểm ô nhiễm đồng, chì, kẽm trong đất tại làng nghề. Đề xuất thay cụm từ "quy mô nhỏ" thành "làng nghề, cụm công nghiệp" để làm rõ đối tượng sử dụng tài liệu hơn và điều chỉnh tên gọi của tài liệu thành "**Xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất tại làng nghề, cụm công nghiệp".**

4.1.5 Tổ chức thực hiện

Tài liệu được thực hiện song song cùng chương trình đào tạo, bao gồm 4 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Rà soát tài liệu kỹ thuật, các nghiên cứu tại bàn (tháng 12 năm 2025)
- Giai đoạn 2: Thu thập số liệu thực tế tại địa điểm triển khai gói kỹ thuật của dự án, doanh nghiệp sản xuất nhựa xây dựng, làng nghề, cụm công nghiệp (tháng 12 năm 2025
- Giai đoạn 3: Biên soạn dự thảo tài liệu (tháng 1-2 năm 2026)
- Giai đoạn 4: Hoàn thiện dự thảo tài liệu (tháng 3 năm 2026)

4.2 Khung nội dung tài liệu HDKT

4.2.1 HDKT lựa chọn ứng dụng công nghệ phù hợp sản xuất sản phẩm nhựa xây dựng thân thiện hơn với môi trường

Mục tiêu: HDKT lựa chọn công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm nhựa xây dựng có thành phần nhựa tái chế, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, đảm bảo quy định về BVTM

Đối tượng: Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nhựa xây dựng, cụ thể là các doanh nghiệp sản xuất gỗ nhựa, sàn, ván, tấm ốp nhựa và gạch nhựa.

Khung nội dung tài liệu HDKTsẽ bao gồm các phần chính sau đây:

Bảng 10. Khung nội dung HDKT lựa chọn ứng dụng công nghệ phù hợp sản xuất sản phẩm nhựa xây dựng thân thiện hơn với môi trường

1	Giới thiệu *Mục đích, đối tượng, phạm vi và cấu trúc tài liệu*
2	Phát triển sản phẩm nhựa xây dựng thân thiện hơn với môi trường *Hiện trạng và xu thế sản xuất sản phẩm, chính sách khuyến khích, quy định đối với doanh nghiệp về BVMT, PCCC, An toàn, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, nhãn sinh thái Việt Nam*
3	Sản phẩm nhựa xây dựng *Tổng quan, đặc điểm hoá lý, thành phần nhựa và nhựa tái chế HDPE, LDPE, PP, PVC và PS, xu thế sử dụng nhựa tái chế trong sản xuất gỗ nhựa composit, sàn, ván, tấm ốp nhựa, gạch nhựa*
4	Công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa xây dựng
4.1	Tổng quan *Sơ đồ công nghệ, phối trộn nguyên liệu, tạo hình, làm mát*
4.2	Phối trộn nguyên liệu *Thành phần, tỷ lệ, thiết bị, ưu nhược điểm, phạm vi và xu thế áp dụng*
4.3	Tạo hình sản phẩm *Thiết bị, công nghệ, ưu nhược điểm, phạm vi và xu thế áp dụng công nghệ đùn, ép phun, thổi và các công nghệ khác*
4.4	Làm mát sản phẩm *Thiết bị, ưu nhược điểm, phạm vi và xu thế áp dụng*
5	Lựa chọn ứng dụng công nghệ sản xuất sản phẩm vật liệu xây dựng thân thiện hơn với môi trường

5.1	Các bước thực hiện *Sơ đồ tổng quan, nguyên tắc chọn nguyên liệu, công nghệ, thiết bị*
5.2	Chọn nguyên liệu và thiết bị phối trộn *Yêu cầu sản phẩm, loại, tỷ lệ phối trộn nguyên liệu*
5.3	Chọn công nghệ, thiết bị tạo hình *Tiêu chí nguyên liệu, sản phẩm, phương pháp lựa chọn*
5.4	Chọn công nghệ, thiết bị làm mát *Tiêu chí sản phẩm, phương pháp lựa chọn*
5.5	Ứng dụng công nghệ lựa chọn *Lưu ý cải tiến công nghệ khi sản xuất gỗ nhựa composit, ván nhựa, gạch nhựa thân thiện hơn với môi trường, một số ví dụ áp dụng*
6	Tài liệu tham khảo

4.2.2 HDKT xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất tại làng nghề, cụm công nghiệp

Mục tiêu: Hướng dẫn xác định, xử lý, cải tạo và phục hồi đất ô nhiễm kim loại nặng tại làng nghề, cụm công nghiệp và các khu vực ô nhiễm quy mô nhỏ, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng đất.

Đối tượng: Cơ quan quản lý tại địa phương, đơn vị xử lý môi trường đất.

Khung nội dung tài liệu HDKTsẽ bao gồm các phần chính sau đây:

Bảng 11. Khung nội dung HDKT xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất tại làng nghề, cụm công nghiệp

1	Giới thiệu *Mục đích, đối tượng, phạm vi và cấu trúc tài liệu*
2	Ô nhiễm kim loại năng trong đất *Hiện trạng, nguồn phát thải, tác động của ô nhiễm kim loại nặng, tiêu chuẩn chất lượng đất với kim loại nặng*
3	Đánh giá ô nhiễm kim loại môi trường đất *Tổng quan quy trình, mô tả công cụ và kỹ thuật thực hiện khảo sát, lấy mẫu, bảo quản mẫu, phân tích mẫu, xây dựng bản đồ ô nhiễm, đánh giá dạng tồn tại và mức độ ô nhiễm môi trường đất*
4	Xử lý kim loại nặng trong đất
4.1	Phương pháp xử lý kim loại nặng trong đất *Nguyên lý, phạm vi ứng dụng của các phương pháp bổ sung chất ổn định, bổ sung chất khử, bổ sung chất hấp phụ, trích ly thực vật, rửa đất*
4.2	Xây dựng phương án xử lý kim loại nặng trong đất *Xác định phạm vi, tiêu chí lựa chọn, tính toán và đề xuất phương án xử lý sơ bộ, xử lý kim loại nặng trong đất*
4.3	Các bước xử lý kim loại nặng trong đất *Sơ đồ tổng quan, công cụ, thiết bị và kỹ thuật giải phóng mặt bằng, xử lý sơ bộ, xử lý đất, BVMT trong xử lý đất*
4.4	An toàn lao động và môi trường trong xử lý đất ô nhiễm *Trang bị bảo hộ lao động cá nhân, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường*
5	Cải tạo, phục hồi môi trường đất *Giám sát, đánh giá khả năng tái sử dụng đất, lựa chọn và thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đất, tập trung vào vấn đề hàm lượng kim loại nặng trong đất, cảnh báo và truyền thông*
6	Tài liệu tham khảo

5 KẾ HOẠCH HỌP VỚI CÁC ĐỊA PHƯƠNG CỦA DỰ ÁN

5.1 Tổ chức thực hiện

4 chủ đề được chia sẻ với các địa phương tham gia dự án tại 2 cuộc họp như sau:

	Chủ đề cuộc họp đã duyệt	Đề xuất tên gọi	Địa điểm
1	Phòng chống úng ngập, sạt lở để thích ứng với BĐKH tại các khu vực tập trung, bài học kinh nghiệm từ Huế và cácđịa phương trong dự án Phát triển du lịch xanh lồng ghép sinh kế và BVMT	Thích ứng với BĐKH, phát triển du lịch xanh	Huế
2	Xây dựng và phối hợp thực hiện kế hoạch hành động đô thị xanh Khuyến khích tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường tại các khu vực công	Vai trò của khu vực công trong phát triển khu dân cư tập trung xanh và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường	Ninh Bình

Hình 3. Chủ đề và địa điểm tổ chức họp với các địa phương của dự án

5.1.1 Mục tiêu cuộc họp

Hai cuộc họp được tổ chức nhằm tăng cường năng lực bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng đất liên quan đến môi trường, thích ứng với BĐKH để phát triển đô thị xanh cho các địa phương tham gia dự án thông qua chia sẻ kinh nghiệm xây dựng và triển khai kế hoạch hành động đô thị xanh và các sáng kiến liên quan.

5.1.2 Tên gọi của cuộc họp

Đề xuất tên gọi của cuộc họp 1 là T**hích ứng với BĐKH, phát triển du lịch xanh** và tên gọi của cuộc họp 2 là **Vai trò của khu vực công trong phát triển khu dân cư tập trung xanh và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường.**

5.1.3 Đối tượng cuộc họp

Thành phần cuộc họp Bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH, phát triển du lịch xanh là các cán bộ quản lý, doanh nghiệp, cơ quan báo chí, đơn vị đào tạo, nghiên cứu cấp trung ương và địa phương tham gia dự án, đại diện Ban quản lý dự án, đại điện các gói thầu của dự án, đặc biệt là các gói QCBS-07, 08, 09.

Thành phần cuộc họp Vai trò khu vực công trong xây dựng khu dân cư tập trung xanh và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường là các cán bộ quản lý, cơ quan báo chí cấp trung ương và địa phương tham gia dự án, đại diện Ban quản lý dự án, đại diện các gói thầu của dự án, đặc biệt là các gói QCBS-07, 08, 09, 03.

5.1.4 Thời gian và địa điểm tổ chức

Mỗi cuộc họp được tổ chức trong 1 ngày, vào hai tuần đầu tháng 3 năm 2026.

Hai cuộc họp được tổ chức tại Huế và Ninh Bình là hai địa điểm có cơ quan quản lý địa phương tích cực tham gia chia sẻ kinh nghiệm và hoạt động với dự án.

5.2 Khung nội dung cuộc họp

Hai cuộc họp đều có sự kết hợp của phóng sự , trình bày, thảo luận chia sẻ hoạt động, kinh nghiệp với các nội dung sau

5.2.1 Cuộc họp 1: BVMT, thích ứng với BĐKH và phát triển du lịch xanh

Mục tiêu: Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và giải pháp phòng chống úng ngập, sạt lở trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thúc đẩy mô hình du lịch xanh gắn với sinh kế và bảo vệ môi trường.

Thành phần: 80 đại biểu, bao gồm Đại diện Cục Môi trường, đại diện Ban Quản lý Dự án (BQLDA), đại diện sở NN&MT, Sở Xây dựng, Sở Du lịch, đại diện phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị của các địa phương tham gia dự án; đại diện doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức xã hội; các chuyên gia trong lĩnh vực môi trường, khí hậu, phát triển bền vững, du lịch.

Địa điểm và thời gian: Thành phố Huế, tuần đầu tháng 3 năm 2026.

Bảng 12. Khung nội dung đề xuất cho cuộc họp BVMT, thích ứng với BĐKH và phát triển du lịch xanh

Thời lượng	Nội dung	Thực hiện
Phiên sáng	**Phòng chống úng ngập, sạt lở để thích ứng với BĐKH tại các khu vực dân cư tập trung, bài học kinh nghiệm từ Huế và các địa phương trong dự án** *Các đại biểu trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, hoạt động xây dựng và triển khai giải pháp phòng chống úng ngập, sạt lở, thích ứng với BĐKH*	
15 phút	Thực trang và giải pháp chống ngập đô thị ở đồng bằng sông Cửu long *Phóng sự Thích ứng với BĐKH: Thực trang và giải pháp chống ngập đô thị ở đồng bằng sông Cửu long của truyền hình Vĩnh Long*	
45 phút	Phát triển hạ tầng để phòng chống úng ngập tại khu vực dân cư tập trung *Nguyên tắc thiết kế, phạm vi áp dụng đối với các giải pháp nâng cấp và cải tạo hệ thống thoát nước, xây dựng hồ điều hoà và trạm bơm, tu bổ và nâng cấp đê điều, công trình thuỷ lợi, xây dựng gờ chắn nước*	Chuyên gia tư vấn
30 phút	Kế hoạch phát triển thành phố xanh, kinh nghiệm phòng chống úng ngập và các sáng kiến tại Huế *Hiện trạng, giải pháp và kết quả phòng chống úng ngập tại địa phương*	Đại điện địa phương
30 phút	Kế hoạch phát triển thành phố xanh, kinh nghiệm phòng chống sạt lở và các sáng kiến tại Tuyên Quang *Hiện trạng, giải pháp và kết quả phòng chống sạt lở tại địa phương*	Đại diện địa phương
30 phút	Lồng ghép nội dung phòng chống úng, ngập, sạt lở trong xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động đô thị xanh *Kế hoạch hành động đô thị xanh của các địa phương tham gia dự án và kinh nghiệm lồng ghép nội dung phòng chống úng ngập và sạt lở*	Chuyên gia dự án

Thời lượng	Nội dung	Thực hiện
45 phút	Thảo luận *Trở ngại, khó khăn trong hoạt động xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng chống úng ngập, sạt lở tại địa phương*	Chủ toạ và các đại biểu
Phiên chiều	**Phát triển du lịch xanh lồng ghép sinh kế và BVMT** *Các đại biểu trao đổi, chia sẻ sáng kiến và kinh nghiệm phát triển du lịch xanh tại địa phương*	
15 phút	Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường *Phóng sự Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường - vì môi trường bền vững của VTV5*	
45 phút	Hiện trạng và xu hướng phát triển du lịch xanh *Tiêu chí chung, tiêu chí lồng ghép sinh kế và bảo vệ môi trường trong chứng nhận điểm du lịch, cơ sở dịch vụ dụ lịch, hiện trạng và xu hướng phát triển các mô hình du lịch xanh*	Khách mời
30 phút	Mô hình du lịch xanh tại miền núi *Kế hoạch phát triển du lịch, kinh nghiệm xây dựng và phát triển mô hình du lịch lồng ghép sinh kế và BVMT tại Hà Giang, Tuyên Quang*	Đại diện địa phương
30 phút	Mô hình du lịch xanh tại đồng bằng *Kế hoạch phát triển du lịch, kinh nghiệm xây dựng và phát triển mô hình du lịch lồng ghép sinh kế và BVMT tại Hoa Lư, Ninh BÌnh*	Đại diện địa phương
30 phút	Mô hình du lịch xanh tại miền biển *Kế hoạch phát triển du lịch, kinh nghiệm xây dựng và phát triển mô hình du lịch lồng ghép sinh kế và BVMT tại Phan Rang Tháp Chàm, Khánh Hoà*	Đại diện địa phương
45 phút	Thảo luận *Cơ hội và thách thức thúc đẩy mô hình du lịch xanh tại địa phương*	Chủ toạ và các đại biểu

5.2.2 Cuộc họp 2: Vai trò của khu vực công trong phát triển khu dân cư tập trung xanh và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường

Mục tiêu: Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động đô thị xanh, thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường của các đơn vị hành chính công.

Thành phần tham dự: 80 đại biểu, bao gồm đại diện Cục Môi trường, đại diện BQLDA, đại diện sở NN&MT, Sở Xây dựng, Sở Du lịch, Sở Tài chính, phòng kinh tế, hạ tầng đô thị của các địa phương tham gia dự án, cơ quan báo chí, các chuyên gia, tư vấn trong lĩnh vực tài chính, quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng, bảo vệ môi trường, ản xuất và tiêu dùng bền vững.

Địa điểm và thời gian: Ninh Bình, tuần thứ 2 năm 2026

Bảng 13. Khung nội dung đề xuất cho cuộc họp về vai trò của khu vực công trong phát triển khu dân cư tập trung xanh và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường

Thời lượng	Nội dung	Thực hiện
Phiên sáng	**Xây dựng và phối hợp thực hiện kế hoạch hành động đô thị xanh** *Các đại biểu trao đổi chia sẻ kinh nghiệm phối hợp xây dựng và triển khai kế hoạch đô thị xanh của địa phương*	

Thời lượng	Nội dung	Thực hiện
15 phút	Chuyển đổi đô thị xanh *Phóng sự chuyển đổi xanh đô thị - Thủ đô và thế giới của HTV*	
45 phút	Knh nghiệm phối hợp cập nhật kế hoạch hành động đô thị xanh tại Huế, Hà Giang và Vĩnh Yên *Bối cảnh, phạm vi cập nhật, vai trò các bên liên quan trong quá trình xây dựng*	Tư vấn dự án
30 phút	Hoạt động phối hợp chuyển đổi đô thị xanh tại Huế *Kế hoạch, tiến độ và kết quả thực hiện, vai trò của các bên liên quan trong quá trình thực hiện*	Đại diện địa phương
45 phút	Knh nghiệm phối hợp cập nhật kế hoạch hành động đô thị xanh tại Phan Rang- Tháp Chàm, Kon tum, Trà Vinh *Bối cảnh, phạm vi cập nhật, vai trò các bên liên quan trong quá trình xây dựng*	Tư vấn dự án
30 phút	Hoạt động phối hợp chuyển đổi đô thị xanh tại Ninh Bình *Kế hoạch, tiến độ và kết quả thực hiện, vai trò của các bên liên quan trong quá trình thực hiện*	Đại diện địa phương
30 phút	Thảo luận *Các thuận lợi, khó khăn trong hoạt động phối hợp xây dựng, thực hiện chuyển đổi đô thị xanh*	Chủ toạ và các đại biểu
Phiên chiều	**Khuyến khích tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường tại các khu vực công** *Các đại biểu trao đổi, thảo luận về các yếu tố tác động đến việc chuyển đổi sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường của các đơn vị công lập tại địa phương*	
5 phút	Tiêu dùng xanh *Phóng sự Nhãn sinh thái "Tấm hộ chiếu xanh" cho phát triển bền vững của VOV1*	
45 phút	Mua sắm công xanh *Chính sách khuyến khích tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường tại các cơ quan công lập và sản phẩm nhãn sinh thái Việt Nam, sản phẩm mở rộng tiềm năng (sản phẩm sẽ chứng nhận nhãn sinh thái, sản phẩm điện tử nhãn năng lượng, gạch không nung…)*	Tư vấn dự án
30 phút	Chuyển đổi sử dụng sản phẩm thay thế nhựa một lần tại Ninh Bình *Chính sách, phạm vi áp dụng, các sáng kiến trong khu vực công*	Đại điện địa phương
45 phút	Thảo luận *Vai trò của đơn vị công lập trong hoạt động khuyến khích tiêu dùng sản phẩm thay thế nhựa sử dụng một lần*	Chủ toạ và các đại biểu
30 phút	Chuyển dổi sử dụng phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng tại Huế *Chính sách, phạm vi áp dụng, các sáng kiến trong khu vực công*	Đại diện địa phương
45 phút	Thảo luận *Các yếu tố tác động quan trọng đến việc chuyển đổi hành vi tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường tại khu vực công*	Chủ toạ và các đại biểu

6 KẾT LUẬN

Kế hoạch đào tạo và nâng cao năng lực về bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường liên quan đến sử dụng đất, ứng phó với BĐKH và sản xuất và tiêu dùng bền vững bao gồm:

1. Kế hoạch tổ chức 12 lớp đào tạo

12 lớp đào tạo được tổ chức cho 5 chủ đề sau:

- 4 lớp về bảo vệ môi trường nước
- 2 lớp về bảo vệ môi trường không khí
- 2 lớp về bảo vệ môi trường đất
- 2 lớp về sản xuất và tiêu dùng sản phẩm , dịch vụ thân thiện với môi trường và
- 2 lớp về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển khu dân cư tập trung xanh

Các lớp đào tạo được tổ chức thành 2 đợt, mỗi đợt 6 lớp bao gồm đầy đủ 5 chủ đề đào tạo và tổ chức hàng tuần từ cuối tháng 10 đến hết tháng 11 năm 2025 và từ tháng 1 đến tháng 2 năm 2026.

Các lớp đào tạo được tổ chức theo hình thức dẫn dắt, hướng dẫn học viên với thời lượng 1,5 ngày, bao gồm 1 ngày trên lớp và 0,5 ngày tham quan hướng dẫn thực tế. Trong thời gian trên lớp, các nội dung đào tạo được chia cân đối giữa lý thuyết và thực hành theo tỷ lệ 50:50. Hình thức thực hành đa dạng, bao gồm câu hỏi quiz, bải tập nhóm, hoán đổi vai và bài tập mô phỏng.

Kế hoạch bao gồm đề xuất về mục tiêu cần đạt, chủ đề, đối tượng, khung nội dung đào tạo, phân bổ thời gian, chương trình đào tạo dự kiến, thời gian và địa điểm thực hiện cho mỗi chủ đề.

Các đề xuất trong kế hoạch được xây dựng dựa trên mục tiêu đào tạo, đặc điểm của địa phương tham gia dự án, nội dung chi tiết của chủ đề đào tạo, có tham khảo kết quả của các gói thầu kỹ thuật liên quan.

2. Kế hoạch xây dựng 2 tài liệu hướng dẫn kỹ thuật

2 tài liệu hướng dẫn kỹ thuật có tên gọi sau

- Hướng dẫn kỹ thuật lựa chọn ứng dụng công nghệ phù hợp sản xuất sản phẩm nhựa xây dựng thân thiện hơn với môi trường
- Hướng dẫn kỹ thuật xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất tại làng nghề, cụm công nghiệp.

Kế hoạch bao gồm tên tài liệu, mục tiêu, đối tượng và khung nội dung của tài liệu hướng dẫn kỹ thuật . Đề xuất trong kế hoạch được xây dựng dựa trên chủ đề được duyệt, có tham khảo kết quả của các gói thầu kỹ thuật liên quan.

3. Kế hoạch tổ chức 2 cuộc họp cho các địa phương tham gia dự án

2 cuộc họp có tên gọi sau

- Bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển du lịch xanh
- Vai trò của khu vực công trong phát triển khu dân cư tập trung xanh và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường

Mỗi cuộc họp được tổ chức cho 80 đại biểu trong 1 ngày, bao gồm 2 phiên cho hai nội dung chủ đề được phê duyệt, mỗi phiên bắt đầu bằng một phóng sự, chia sẻ hoạt động, kinh nghiệm thực hiện tại địa phương và kết thúc với nội dung thảo luận xác định các rào cản thúc đẩy hoạt động tại địa phương.

Kế hoạch bao gồm tên cuộc họp, mục tiêu, đối tượng và khung nội dung chương trình. Đề xuất trong kế hoạch được xây dựng dựa trên chủ đề và nội dung được duyệt, có tham khảo kết quả của các gói thầu kỹ thuật liên quan.

Nội dung kế hoạch được tổng hợp trong bảng sau

Bảng 14. Tổng hợp kế hoạch đào tạo và nâng cao năng lực

TT	Hoạt động	Địa điểm	Thời gian																									
			Tháng 10/2025				Tháng 11/2025					Tháng 12/2025				Tháng 1/2026					Tháng 2/2026				Tháng 3/2026			
		Từ	*29*	*06*	*13*	*20*	*27*	*03*	*10*	*17*	*24*	*01*	*08*	*15*	*22*	*29*	*05*	*12*	*19*	*26*	*02*	*09*	*16*	*23*	*02*	*09*	*16*	*23*
		Đến	*05*	*12*	*19*	*26*	*02*	*09*	*16*	*23*	*30*	*07*	*14*	*21*	*28*	*04*	*11*	*18*	*25*	*01*	*08*	*15*	*22*	*01*	*08*	*15*	*22*	*29*
Xây dựng tài liệu đào tạo và nâng cao năng lực																												
Sản phẩm 3.1. Tài liệu đào tạo và nâng cao năng lực về bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường và chống chịu với biến đổi khí hậu																												
Tổ chức các khóa đào tạo về bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường và chống chịu biến đổi khí hậu (đợt 1)																												
Lớp 1	Bảo vệ Môi trường nước	Hoa Lư																										
Lớp 2	Bảo vệ Môi trường không khí	Vĩnh Yên																										
Lớp 3	Bảo vệ Môi trường đất	Trà Vinh																										
Lớp 4	Bảo vệ Môi trường nước	Huế																										
Lớp 5	Sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm xanh	Hà Giang																										
Lớp 6	Bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH, phát triển khu dân cư tập trung xanh	Phan Rang - Tháp Chàm																										
Sản phẩm 3.3a. Báo cáo của 6 lớp đào tạo đợt I về																												

TT	Hoạt động	Địa điểm	Thời gian																							
			Tháng 10/2025				Tháng 11/2025					Tháng 12/2025				Tháng 1/2026					Tháng 2/2026				Tháng 3/2026			
		Từ	*29*	*06*	*13*	*20*	*27*	*03*	*10*	*17*	*24*	*01*	*08*	*15*	*22*	*29*	*05*	*12*	*19*	*26*	*02*	*09*	*16*	*23*	*02*	*09*	*16*	*23*
		Đến	*05*	*12*	*19*	*26*	*02*	*09*	*16*	*23*	*30*	*07*	*14*	*21*	*28*	*04*	*11*	*18*	*25*	*01*	*08*	*15*	*22*	*01*	*08*	*15*	*22*	*29*
nội dung bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường và chống chịu với biến đổi khí hậu																												
Tổ chức các khóa đào tạo về bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường và chống chịu biến đổi khí hậu (đợt 2)																												
Lớp 7	Bảo vệ Môi trường nước	Vĩnh Yên																										
Lớp 8	Bảo vệ Môi trường không khí	Hà Tĩnh																										
Lớp 9	Bảo vệ Môi trường đất	Kon tum																										
Lớp 10	Bảo vệ Môi trường nước	Phan Rang - Tháp Chàm																										
Lớp 11	Sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm xanh	Hoa Lư																										
Lớp 12	Bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH, phát triển khu dân cư tập trung xanh	Trà Vinh																										
Tổ chức 02 cuộc họp về quản lý đô thị bền vững																												
Cuộc họp 1	BVMT, thích ứng với BĐKH và phát	Huế																										

TT	Hoạt động	Địa điểm	Thời gian																							
			Tháng 10/2025				Tháng 11/2025					Tháng 12/2025				Tháng 1/2026					Tháng 2/2026				Tháng 3/2026			
		Từ	*29*	*06*	*13*	*20*	*27*	*03*	*10*	*17*	*24*	*01*	*08*	*15*	*22*	*29*	*05*	*12*	*19*	*26*	*02*	*09*	*16*	*23*	*02*	*09*	*16*	*23*
		Đến	*05*	*12*	*19*	*26*	*02*	*09*	*16*	*23*	*30*	*07*	*14*	*21*	*28*	*04*	*11*	*18*	*25*	*01*	*08*	*15*	*22*	*01*	*08*	*15*	*22*	*29*
	triển du lịch xanh																											
Cuộc họp 2	Vai trò của khu vực công trong phát triển khu dân cư tập trung xanh và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường	Ninh Bình																										
Xây dựng 01 hướng dẫn kỹ thuật về sản xuất và tiêu dùng bền vững và 01 hướng dẫn kỹ thuật thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về quản lý chất lượng môi trường																												
HDKT1	Hướng dẫn kỹ thuật lựa chọn ứng dụng công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa xây dựng thân thiện hơn với môi trường																											
HDKT2	Hướng dẫn kỹ thuật Xử lý ô nhiễm kim loại nặng trong đất tại làng nghề, cụm công nghiệp																											
Sản phẩm 3.2 Quyển 1 - Hướng dẫn kỹ thuật về sản xuất và tiêu dùng bền vững Quyển 2 - Hướng dẫn kỹ thuật về thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về quản lý chất lượng môi trường																												
Sản phẩm 3.3b Quyển 1: Báo cáo của 6 lớp đào tạo đợt II về nội dung bảo vệ môi trường, sử dụng đất liên quan đến bảo vệ môi trường và chống chịu																												

TT	Hoạt động	Địa điểm	Thời gian																							
			Tháng 10/2025				Tháng 11/2025					Tháng 12/2025				Tháng 1/2026					Tháng 2/2026				Tháng 3/2026			
		Từ	*29*	*06*	*13*	*20*	*27*	*03*	*10*	*17*	*24*	*01*	*08*	*15*	*22*	*29*	*05*	*12*	*19*	*26*	*02*	*09*	*16*	*23*	*02*	*09*	*16*	*23*
		Đến	*05*	*12*	*19*	*26*	*02*	*09*	*16*	*23*	*30*	*07*	*14*	*21*	*28*	*04*	*11*	*18*	*25*	*01*	*08*	*15*	*22*	*01*	*08*	*15*	*22*	*29*
với biến đổi khí hậu Quyển 2: Báo cáo về hoạt động xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật Quyển 3: Báo cáo về hoạt động tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia của các tỉnh dự án.																												

7 PHỤ LỤC

7.1 Phụ lục 1. Lựa chọn chủ đề và địa điểm tổ chức các lớp đào tạo

Bảng 15. Lựa chọn chủ đề và địa điểm đào tạo

Địa phương	BVMT nước	BVMT không khí	BVMT đất	Sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm công			BVMT, thích ứng BĐKH, phát triển khu dân cư tập trung xanh	
	Nước, nước thải	Ô nhiễm không khí	POPs, ô nhiễm đất	Thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải sinh hoạt	Giao thông vận tải xanh	Mua sắm công xanh	Dân cư tập trung, đô thị xanh	Thích ứng bđkh
So sánh ưu tiên giữa các đô thị								
Huế	1	3	2	2	3	1	8	2
Vĩnh Yên	2	1	3	5	6	2	7	5
Hà Giang	6	7	7	1	1	5	6	6
Hoa Lư	4	5	6	3	2	6	5	7
Hà Tĩnh	8	2	5	7	5	3	4	4
Kon tum	7	8	4	8	7	7	3	8
Phan Rang - Tháp Chàm	3	4	8	6	4	4	2	3
Trà Vinh	5	6	1	4	8	8	1	1
So sánh ưu tiên trong cùng đô thị								
Huế	1	2	6	3	7	8	5	4
Vĩnh Yên	1	2	4	5	6	8	3	7
Hà Giang	6	5	4	2	3	8	1	7
Hoa Lư	3	5	6	2	7	4	1	8
Hà Tĩnh	3	2	1	5	6	4	7	8
Kon tum	2	5	1	4	6	8	3	7
Phan Rang - Tháp Chàm	1	2	5	6	7	8	3	4
Trà Vinh	3	5	2	6	7	8	1	4
Cộng hai ưu tiên								
Huế	2	5	8	24			19	
Vĩnh Yên	3	3	7	32			22	
Hà Giang	12	12	11	20			20	
Hoa Lư	7	10	12	24			21	
Hà Tĩnh	11	4	6	30			23	
Kon tum	9	13	5	40			21	
Phan Rang - Tháp Chàm	4	6	13	35			12	
Trà Vinh	8	11	3	41			7	
Đề xuất thứ tự ưu tiên								
Huế	1	3	5	2			3	
Vĩnh Yên	2	1	4	5			7	
Hà Giang	8	7	6	1			4	
Hoa Lư	4	5	7	2			5	
Hà Tĩnh	7	2	3	4			8	
Kon tum	6	8	2	7			5	
Phan Rang - Tháp Chàm	3	4	8	6			2	
Trà Vinh	5	6	1	8			1	

7.2 Phụ lục 2. Danh sách giảng viên

Bảng 16. Danh sách giảng viên

TT	Chủ đề	Giảng viên	Trợ giảng
1	BVMT nước	Tăng Thị Hồng Loan *(Chuyên gia đào tạo, Công ty CP Tư vấn EPRO)* Văn Diệu Anh *(Giảng viên, Khoa Khoa học và Công nghệ Môi trường - Trường Hóa và Khoa học sự sống - Đại học Bách Khoa Hà Nội)*	Trịnh Thu Hằng Trần Võ Thị Trang *(Công ty CP Tư vấn EPRO)*

TT	Chủ đề	Giảng viên	Trợ giảng
2	BVMT không khí	Trần Đắc Chí *(Chuyên gia chất lượng môi trường, Công ty CP Tư vấn EPRO)* Lý Bích Thủy *(Giảng viên, Khoa Khoa học và Công nghệ Môi trường - Trường Hóa và Khoa học sự sống - Đại học Bách Khoa Hà Nội)*	Trịnh Thu Hằng Trần Võ Thị Trang *(Công ty CP Tư vấn EPRO)*
3	BVMT đất	Trần Đắc Chí *(Chuyên gia chất lượng môi trường, Công ty CP Tư vấn EPRO)* Văn Diệu Anh *(Giảng viên, Khoa Khoa học và Công nghệ Môi trường - Trường Hóa và Khoa học sự sống - Đại học Bách Khoa Hà Nội)*	Trịnh Thu Hằng Trần Võ Thị Trang *(Công ty CP Tư vấn EPRO)*
4	Sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm công xanh	Tăng Thị Hồng Loan *(Chuyên gia đào tạo, Công ty CP Tư vấn EPRO)* Trần Võ Thị Trang *(Chuyên gia chất lượng môi trường, Công ty CP Tư vấn EPRO)*	Trịnh Thu Hằng Trần Đắc Chí *(Công ty CP Tư vấn EPRO)*
5	BVMT, ứng phó với BĐKH để phát triển khu dân cư tập trung xanh	Vũ Thị Vinh *(Chuyên gia môi trường đô thị, Công ty CP Tư vấn EPRO)*) Nguyễn Vũ Phương *(Phó Giám đốc Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ Xây dựng)*	Trịnh Thu Hằng Trần Võ Thị Trang *(Công ty CP Tư vấn EPRO)*

7.3 Phụ lục 3. Chương trình đào tạo đề xuất

Bảng 17. Khung chương trình đào tạo BVMT nước

Địa điểm: Hoa Lư, Huế, Vĩnh Yên, Phan Rang - Tháp Chàm

Thời gian	Nội dung	Phân bổ thời gian
NGÀY 1	**ĐÀO TẠO TRÊN LỚP**	**100.0%**
07:30-08:00	Đăng ký đại biểu	
08:00-08:15	Khai mạc	
Nội dung 1	***Giới thiệu chủ đề đào tạo, đánh giá đối tượng tham gia đào tạo***	***7.7%***
08:15-08:25	BVMT nước (phân loại, chỉ tiêu, nguồn gây ô nhiễm, nguồn tiếp nhận, vai trò trách nhiệm các bên liên quan và mối liên hệ với lớp đào tạo)	2.6%
08:25-08:45	Hỏi đáp làm quen và đánh giá trình độ học viên	5.1%
Nội dung 2	***Phương pháp quan trắc, phân tích, đánh giá chất lượng nước theo chỉ số VN_WQI*** *Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng và các cải tiến so với thực hành hiện tại*	***23.1%***

Thời gian	Nội dung	Phân bổ thời gian
08:45-09:15	Quan trắc, phân tích, đánh giá chất lượng nước (quy định, chỉ số, công cụ, tần suất, vị trí quan trắc, phương pháp phân tích và đánh giá chất lượng nước)	7.7%
09:15-09:30	Hỏi đáp nhanh về thực hành quan trắc, phân tích, đánh giá chất lượng nước tại địa phương	3.8%
09:30-09:45	**Nghỉ giải lao**	
09:45-10:05	Chỉ số VN_WQI (Bộ chỉ số, mức đánh giá, trường hợp áp dụng, tính toán và công bố thông tin)	5.1%
10:05-10:30	Bài tập nhóm mô phỏng tính toán WQI và thiết kế chương trình quan trắc cải tiến	6.4%
Nội dung 3	***Phương pháp kiểm kê, đánh giá nguồn thải và môi trường nước*** *Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng và cách thức bắt đầu*	***23.1%***
10:30-11:00	Kiểm kê, đánh giá nguồn thải và môi trường nước (khái niệm, quy định, công cụ thực hiện, ưu nhược điểm, các trường hợp áp dụng)	7.7%
11:00-11:15	Hỏi đáp thực hành tại địa phương	3.8%
11:15-11:30	Các bước đánh giá nguồn thải và môi trường nước (thu thập dữ liệu, tổng hợp, đánh giá, lưu ý khi thực hiện)	3.8%
11:30-12:00	Bài tập đề xuất vị trí, thông số và dữ liệu kiểm kê, đánh giá nguồn thải và môi trường nước tại địa phương	7.7%
12:00-13:30	**Nghỉ trưa**	
Nội dung 4	***Phương pháp đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt để xác định hạn ngạch xả nước thải vào từng đoạn sông*** *Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng, phương pháp phù hợp tại địa phương*	***23.1%***
13:30-14:00	Đánh giá khả năng chịu tải, hạn ngạch xả nước thải (khái niệm, quy định, các trường hợp áp dụng)	7.7%
14:00-14:15	Quiz làm rõ khái niệm	3.8%
14:15-14:45	Phương pháp đánh giá (mô hình hoá, cân bằng vật chất…), ưu nhược điểm và áp dụng thực tế	7.7%
14:45-15:00	Thảo luận nhóm về thực hành tại địa phương (sông Hoàng Long, sông Hương, sông Cà Lồ, sông Dinh)	3.8%
15:00-15:15	**Nghỉ giải lao**	
Nội dung 5	***Ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động trạm xử lý nước thải khu dân cư tập trung*** *Học viên được cập nhật, so sánh tiềm năng áp dụng của công nghệ xử lý nước thải khu vực dân cư tập trung tại địa phương*	***23.1%***
15:15-15:30	Công nghệ xử lý nước thải khu dân cư tập trung truyền thông (ưu, nhược điểm, phạm vi áp dụng)	3.8%
15:30-16:00	Địa phương bổ sung thông tin về các loại công nghệ đang áp dụng	7.7%
16:00-16:15	Công nghệ xử lý nước thải tiên tiến (hiệu suất, chi phí, phạm vi áp dụng)	3.8%
16:15-16:45	Thảo luận nhóm về phạm vi và công nghệ có thể áp dụng tại địa phương	7.7%
16:45-17:00	**Tổng kết ngày 1 và phổ biến kế hoạch ngày 2**	
NGÀY 2	**ĐÀO TẠO TẠI CHỖ**	**100.0%**
Nội dung 6	***Áp dụng tại địa phương*** *Học viên được thảo luận sâu, làm rõ về các nội dung thực hành trên lớp*	
08:00-12:00	Tham quan và chia sẻ kinh nghiệm tại trạm xử lý nước thải /trạm quan trắc nước thải tại địa phương	100.0%

Bảng 18. Khung chương trình đào tạo BVMT không khí

Địa điểm: Vĩnh Yên, Hà Tĩnh

Thời gian	Nội dung	Phân bổ thời gian
NGÀY 1	**ĐÀO TẠO TRÊN LỚP**	**100.0%**
07:30-08:00	Đăng ký đại biểu	
08:00-08:15	Khai mạc	
Nội dung 1	***Giới thiệu chủ đề đào tạo, đánh giá đối tượng tham gia đào tạo***	***7.7%***
08:15-08:25	BVMT không khí (ô nhiễm không khí, nguồn ô nhiễm không khí, dữ liệu ô nhiễm không khí, kế hoạch quản lý chất lượng không khí, vai trò trách nhiệm các bên liên quan và mối liên hệ với lớp đào tạo)	2.6%
08:25-08:45	Hỏi đáp làm quen và đánh giá trình độ học viên	5.1%
Nội dung 2	***Phương pháp quan trắc, đánh giá và cảnh báo ô nhiễm không khí khu vực dân cư theo chỉ số VN_AQI*** *Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng, xác định các cải tiến so với thực hành hiện tại*	***46.2%***
08:45-09:45	Khái niệm và quy định hiện hành về quan trắc (thông số, công cụ, vị trí quan trắc, phương pháp quan trắc, tần suất)	15.4%
09:45-10:15	Thảo luận, chia sẻ thông tin về nguồn ô nhiễm, hiện trạng và nhu cầu quan trắc	7.7%
10:15-10:30	**Nghỉ giải lao**	
10:30-11:00	Đánh giá và cảnh báo ô nhiễm không khí khu vực dân cư theo chỉ số VN_AQI (bộ chỉ số, mức cảnh báo, tính toán và công bố thông tin, thực hành tốt)	7.7%
11:00-12:00	- Thảo luận: Hiện trạng đánh giá và cảnh báo ô nhiễm không khí khu vực dân cư tại địa phương - Bài tập nhóm: Mô phỏng xử lý dữ liệu và tính toán VN_AQI	15.4%
12:00-13:30	**Nghỉ trưa**	
Nội dung 3	***Phương pháp kiểm kê, đánh giá nguồn thải để lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí*** *Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng và cách thức bắt đầu*	***46.2%***
13:30-14:15	Khái niệm và quy định hiện hành (kiểm kê, nguồn điểm, nguồn diện, nguồn di động, phương pháp xác định nguồn thải, kế hoạch quản lý môi trường không khí)	11.5%
14:15-14:30	Quiz làm rõ khái niệm	3.8%
14:30-15:00	Phương pháp kiểm kê (đo trực tiếp, sử dụng hệ số, mô hình, ưu nhược điểm và ứng dụng)	7.7%
15:00-15:15	**Nghỉ giải lao**	
15:00-15:45	Bài tập: lựa chọn và đề xuất phương pháp kiểm kê tại một khu vực hoặc lĩnh vực theo điều kiện của địa phương	7.7%
15:45-16:00	Xây dựng dữ liệu kiểm kê để lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí (loại dữ liệu, yêu cầu về dữ liệu)	3.8%
16:00-16:45	Bài tập mô phỏng tính toán phát thải từ 1 nguồn ô nhiễm không khí	11.5%
16:45-17:00	**Tổng kết ngày 1 và phổ biến kế hoạch ngày 2**	
NGÀY 2	**ĐÀO TẠO TẠI CHỖ**	**100.0%**
Nội dung 4	***Áp dụng tại địa phương*** *Học viên được thảo luận sâu, làm rõ về các nội dung thực hành trên lớp*	

Thời gian	Nội dung	Phân bổ thời gian
08:00-12:00	Tham quan và chia sẻ kinh nghiệm tại trạm quan trắc khí thải của địa phương	100.0%

Bảng 19. Khung chương trình đào tạo BVMT đất

Địa điểm: Trà Vinh, Kon tum

Thời gian	Nội dung	Phân bổ thời gian
NGÀY 1	**ĐÀO TẠO TRÊN LỚP**	**100.0%**
07:30-08:00	Đăng ký đại biểu	
08:00-08:15	Khai mạc	
Nội dung 1	***Giới thiệu chủ đề đào tạo, đánh giá đối tượng tham gia đào tạo***	***7.7%***
08:15-08:25	BVMT đất (ô nhiễm đất, nguồn ô nhiễm đất, thành phần ô nhiễm đất, ưu tiên xử lý ô nhiễm đất, vai trò trách nhiệm các bên liên quan và mối liên hệ với lớp đào tạo)	2.6%
08:25-08:45	Hỏi đáp làm quen và đánh giá trình độ học viên	5.1%
Nội dung 2	***Phương pháp đánh giá các chất ô nhiễm khó phân huỷ (POPs) và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hoá, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân huỷ*** *Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng, cách thức bắt đầu nhận diện tại địa phương*	***38.5%***
08:45-09:30	Khái niệm và quy định hiện hành về POPs (đặc điểm, tác động, nguồn phát sinh, công ước stockholm, quy định của Việt nam)	11.5%
09:30-09:45	Quiz làm rõ khái niệm	3.8%
09:45-10:00	**Nghỉ giải lao**	
10:00-10:45	Đánh giá các chất ô nhiễm POPs (nguyên tắc, lấy mẫu, phân tích và đối chứng)	11.5%
10:45-11:30	Thảo luận nhóm nhận diện nguyên liệu, nhiên liệu, ,vật liệu, sản phẩm, hàng hoá, thiết bị có chứa POPs tại địa phương	11.5%
11:30-13:00	**Nghỉ trưa**	
Nội dung 3	***Phương pháp xác định, đánh giá khu vực bị ô nhiễm đất để cải tạo và phục hồi môi trường*** *Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng và cách thức bắt đầu*	***38.5%***
13:00-13:30	Ô nhiễm liên quan đến sử dụng đất (phân loại, nguồn ô nhiễm, chất ô nhiễm, ô nhiễm POPs từ sử dụng đất)	7.7%
13:30-14:00	Thảo luận nhóm: nhận diện nguồn phát sinh, khu vực cần xác định, đánh giá ô nhiễm đất để cải tạo và phục hồi	7.7%
14:00-14:45	Xác định, đánh giá khu vực ô nhiễm đất từ sử dụng đất (quy trình, công cụ, lấy mẫu, phân tích, đánh giá, thực hành tốt)	11.5%
14:45-15:00	**Nghỉ giải lao**	
14:45-15:45	Thảo luận nhóm: Thiết kế chương trình lấy mẫu và đánh giá nguy cơ ô nhiễm đất	11.5%
15:45-16:05	Một số biện pháp cải tạo và phục hồi ô nhiễm đất (biện pháp kỹ thuật, truyền thông, giám sát sau cải tạo, thực hành tốt)	5.1%
16:05-16:45	Thực hành tình huống Truyền thông khu vực ô nhiễm đất sẽ cải tạo và phục hồi môi trường	10.3%
16:45-17:00	**Tổng kết ngày 1 và phổ biến kế hoạch ngày 2**	

Thời gian	Nội dung	Phân bổ thời gian
NGÀY 2	**ĐÀO TẠO TẠI CHỖ**	**100.0%**
Nội dung 4	***Áp dụng tại địa phương*** *Học viên được thảo luận sâu, làm rõ về các nội dung thực hành trên lớp*	
08:00-12:00	Tham quan và chia sẻ kinh nghiệm tại một khu vực trồng trọt của địa phương	100.0%

Bảng 20. Khung chương trình đào tạo sản xuất và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, mua sắm xanh

Địa điểm: Hà Giang, Hoa Lư

Thời gian	Nội dung	Phân bổ thời gian
NGÀY 1	**ĐÀO TẠO TRÊN LỚP**	**100.0%**
07:30-08:00	Đăng ký đại biểu	
08:00-08:15	Khai mạc	
Nội dung 1	***Giới thiệu chủ đề đào tạo, đánh giá đối tượng tham gia đào tạo***	***7.7%***
08:15-08:25	Sản xuất và tiêu dùng bền vững (sản phẩm dịch vụ thân thiện với môi trường, nhãn sinh thái, hành vi tiêu dùng, vai trò trách nhiệm các bên liên quan và mối liên hệ với lớp đào tạo)	2.6%
08:25-08:45	Hỏi đáp làm quen và đánh giá trình độ học viên	5.1%
Nội dung 2	***Thu gom, phân loại, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt thành sản phẩm gia dụng, văn phòng thân thiện với môi trường*** *Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng, cách thức hướng dẫn và thúc đẩy các mô hình tốt tại địa phương*	***38.5%***
08:45-09:30	Thu gom, phân loại CTRSH (nguyên tắc, hướng dẫn, thực hành tốt)	11.5%
09:30-10:15	Thực hành nhóm: Hướng dẫn thu gom, phân loại CTRSH	11.5%
10:15-10:30	**Nghỉ giải lao**	
10:30-11:00	Tái chế, tái sử dụng nhựa, giấy, kim loại , thuỷ tinh (nguyên tắc tái chế và tái sử dụng, quy định và công nghệ tái chế, mô hình áp dụng)	7.7%
11:00-11:30	Bài tập đổi vai: Lựa chọn, ưu tiên loại CTRSH từ hoạt động du lịch để tái chế, tái sử dụng tại địa phương	7.7%
11:30-13:00	**Nghỉ trưa**	
Nội dung 3	***Phương thức tính toán và đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam đối với một số sản phẩm thuộc lĩnh vực gia dụng và giao thông vận tải*** *Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng và cách thức thúc đẩy áp dụng tại địa phương*	***19.2%***
13:00-13:20	Tiêu chí nhãn sinh thái Việt Nam (cấu trúc tiêu chí, quy trình đăng ký, chứng nhận)	5.1%
13:20-13:30	Quiz tiêu chí nhãn sinh thái	2.6%
13:30-14:15	Nhãn sinh thái Việt nam (tiêu chí đã ban hành, yêu cầu về hồ sơ đánh giá, sản phẩm và hồ sơ chứng nhận nhãn sinh thái Việt Nam, kế hoạch ban hành các tiêu chí nhãn sinh thái cho các sản phẩm gia dụng và giao thông vận tải)	11.5%
14:15-14:30	**Nghỉ giải lao**	
Nội dung 4	***Khuyến khích mua sắm xanh, bài học từ hoạt động gắn nhãn sinh thái cho các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường***	***34.6%***

Thời gian	Nội dung	Phân bổ thời gian
	Học viên hiểu đúng tiềm năng, ưu thế địa phương trong việc thúc đẩy, khuyến khích mua sắm xanh	
14:15-15:15	Bài tập mô phỏng: Thực hành đánh giá tiềm năng sản phẩm bao bì nhựa đáp ứng tiêu chí nhãn sinh thái Việt Nam	11.5%
15:15-16:00	Mua sắm xanh (nhận biết sản phẩm, dịch vụ, mua sắm công, các biện pháp, công cụ thay đổi hành vi)	11.5%
16:00-16:45	Bài tập nhóm: Khuyến khích mua sắm xanh đối với các sản phẩm, dịch vụ du lịch tại địa phương	11.5%
16:45-17:00	**Tổng kết ngày 1 và phổ biến kế hoạch ngày 2**	
NGÀY 2	**ĐÀO TẠO TẠI CHỖ**	**100.0%**
Nội dung 5	***Áp dụng tại địa phương*** *Học viên được thảo luận sâu, làm rõ về các nội dung thực hành trên lớp*	
08:00-12:00	Tham quan và chia sẻ kinh nghiệm tại một cơ sở tái chế của địa phương	100.0%

Bảng 21. Khung chương trình đào tạo bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH, phát triển khu dân cư tập trung xanh

Địa điểm: Phan Rang - Tháp Chàm, Trà Vinh

Thời gian	Nội dung	Phân bổ thời gian
NGÀY 1	**ĐÀO TẠO TRÊN LỚP**	**100.0%**
07:30-08:00	Đăng ký đại biểu	
08:00-08:15	Khai mạc	
Nội dung 1	***Giới thiệu chủ đề đào tạo, đánh giá đối tượng tham gia đào tạo***	***7.7%***
08:15-08:30	Khu dân cư tập trung xanh (khái niệm, đặc điểm)	3.8%
08:30-08:45	Hỏi đáp làm quen và đánh giá trình độ học viên	3.8%
Nội dung 2	***Xác định khu dân cư xanh theo tiêu chí về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*** *Học viên hiểu đúng tiêu chí xác định và tự đánh giá cho địa phương*	***30.8%***
08:45-09:15	Tiêu chí đánh giá khu dân cư xanh (cấu trúc, giải thích các tiêu chí và phạm vi áp dụng)	7.7%
09:15-09:45	Hỏi đáp về các tiêu chí áp dụng tại địa phương	7.7%
09:45-10:00	**Nghỉ giải lao**	
10:00-10:30	Cách đo lường xác định khu dân cư xanh (phương pháp, các bước thực hiện)	7.7%
10:30-11:00	Bài tập nhóm: Đánh giá phạm vi cải tiến xây dựng 1 khu dân cư xanh tại địa phương	7.7%
11:00-12:30	**Nghỉ trưa**	
Nội dung 3	***Hướng dẫn lập kế hoạch GCAP lồng ghép yêu cầu BVMT và chống chịu với BĐKH*** *Học viên hiểu đúng yêu cầu kỹ thuật, phạm vi áp dụng và cách thức thực hiện tại địa phương*	***61.5%***
12:30-13:00	Khung kế hoạch GCAP lồng ghép yêu cầu BVMT và chống chịu BĐKH (Khái niệm, mục đích GCAP, kinh nghiệm quốc tế áp dụng cho Việt Nam)	7.7%
13:00-13:30	Bài tập nhóm về xây dựng khung kế hoạch GCAP tại địa phương	7.7%

Thời gian	Nội dung	Phân bổ thời gian
13:30-14:30	Lập kế hoạch GCAP (quy trình, các bước thực hiện, thu thập số liệu, đề xuất, ví dụ áp dụng)	15.4%
14:30-14:45	**Nghỉ giải lao**	
14:30-15:45	Bài tập thực hành: xác định phương án thu thập số liệu xây dựng GCAP tại địa phương	15.4%
15:45-16:15	Rà soát, cập nhật GCAP tại địa phương (phương pháp, các bước thực hiện, ví dụ áp dụng)	7.7%
16:15-16:45	Bài tập mô phỏng: Rà soát, xác định các nội dung cần điều chỉnh, cập nhật trong kế hoạch GCAP	7.7%
16:45-17:00	**Tổng kết ngày 1 và phổ biến kế hoạch ngày 2**	
NGÀY 2	**ĐÀO TẠO TẠI CHỖ**	**100.0%**
Nội dung 4	***Áp dụng tại địa phương*** *Học viên được thảo luận sâu, làm rõ về các nội dung thực hành trên lớp*	
08:00-12:00	Tham quan và chia sẻ kinh nghiệm triển khai hoạt động phát triển hạ tầng BVMT, chống chịu BĐKH của địa phương	100.0%